

Số: 189/TB-BV

Quản Bạ, ngày 13 tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về nhu cầu thẩm định giá  
Gói thầu mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác  
năm 2026-2027 của  
Bệnh viện đa khoa khu vực Quản Bạ**

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ nghị định số 214/2024/NĐ – CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ vào thư mời báo giá số 03/BV-KD ngày 07 tháng 01 năm 2026 Về việc mời quan tâm báo giá mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác năm 2026-2027;

Căn cứ biên bản Hội đồng khoa học ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng khoa học Bệnh viện đa khoa khu vực Quản Bạ.

Bệnh viện đa khoa khu vực Quản Bạ đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng Gói thầu mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác năm 2026-2027 phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Bệnh viện đa khoa khu vực Quản Bạ thực hiện công khai thông tin về nhu cầu thẩm định giá Gói thầu mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác năm 2026-2027 phục vụ cho công tác đấu thầu năm 2026-2027. (chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Yêu cầu hồ sơ năng lực bao gồm các tài liệu sau:

- Hồ sơ pháp lý của Doanh nghiệp; bản mô tả năng lực, kinh nghiệm; Thư chào giá dịch vụ thẩm định; Danh sách các doanh nghiệp đủ điều kiện thẩm định giá mới nhất theo quy định của Bộ Tài chính

- Thời gian, địa chỉ nộp hồ sơ: Trước 08h 00 phút ngày 24 tháng 03 năm 2026

- Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa khu vực Quản Bạ tỉnh Tuyên Quang.

- Mọi thông tin liên hệ: Khoa Dược-VTYT Bệnh viện đa khoa khu vực Quản Bạ điện thoại: 0973.578.002

Bệnh viện đa khoa khu vực Quản Bạ xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc
- Đăng website bệnh viện;
- Lưu: Hồ sơ mời thầu KD, VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Giang**

**Danh mục**  
**Gói thầu mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác năm 2026-2027**  
*(Kèm theo thông báo số 189/BV-KD ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Quận Bạ)*

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng năm 2026-2027	Ghi chú	
	<b>I. VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO</b>										
1	Bông y tế thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị rơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dài, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước $\leq$ 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0,5%. Các chất tan trong nước: $\leq$ 0,5%; Độ ẩm: $\leq$ 8%; Quy cách: 1 kg/ gói Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	BHN1		2025 trở về sau	An Lành/ Việt Nam	1kg/ gói	Kg	700		
2	Băng bó Bột cỡ 10cm x 4,6m	Sản xuất bởi bột thạch cao màu trắng được pha loãng bao phủ hoàn toàn các thớ màu trắng mềm (Thạch cao $\geq$ 88%, gac 100% cotton); lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột, khả năng thấm nước tốt, đóng kết tốt. Lớp bột thạch cao sạch, trơn mịn, không độc tố, không chứa latex (là chất gây dị ứng). Mỗi cuộn bột được bọc riêng biệt trong túi nhựa poly hoặc giấy bạc có tác dụng chống ẩm. Thời gian đóng kết nhanh: khoảng 2-5 phút, thời gian đông cứng: khoảng 10-15 phút. Đây là sản phẩm cần thiết để cố định tất cả các loại gãy xương, phẫu thuật và chỉnh hình thẩm mỹ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	P.O.P-KLC4		2025 trở về sau	Anji Sunlight Medical Products Co.,Ltd / Trung Quốc	12 cuộn/túi, 06 túi/thùng	Cuộn	1000		
3	Băng bó Bột cỡ 15cm x 4,6m	Sản xuất bởi bột thạch cao màu trắng được pha loãng bao phủ hoàn toàn các thớ màu trắng mềm (Thạch cao $\geq$ 88%, gac 100% cotton); lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột, khả năng thấm nước tốt, đóng kết tốt. Lớp bột thạch cao sạch, trơn mịn, không độc tố, không chứa latex (là chất gây dị ứng). Mỗi cuộn bột được bọc riêng biệt trong túi nhựa poly hoặc giấy bạc có tác dụng chống ẩm. Thời gian đóng kết nhanh: khoảng 2-5 phút, thời gian đông cứng: khoảng 10-15 phút. Đây là sản phẩm cần thiết để cố định tất cả các loại gãy xương, phẫu thuật và chỉnh hình thẩm mỹ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	P.O.P-KLC8		2025 trở về sau	Anji Sunlight Medical Products Co.,Ltd / Trung Quốc	12 cuộn/túi, 06 túi/thùng	Cuộn	1000		
4	Bông lót bó bột size 10cmx2.7m	Sản xuất bởi bột thạch cao màu trắng được pha loãng bao phủ hoàn toàn các thớ màu trắng mềm (Thạch cao $\geq$ 88%, gac 100% cotton); lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột, khả năng thấm nước tốt, đóng kết tốt. Lớp bột thạch cao sạch, trơn mịn, không độc tố, không chứa latex (là chất gây dị ứng). Mỗi cuộn bột được bọc riêng biệt trong túi nhựa poly hoặc giấy bạc có tác dụng chống ẩm. Thời gian đóng kết nhanh: khoảng 2-5 phút, thời gian đông cứng: khoảng 10-15 phút. Đây là sản phẩm cần thiết để cố định tất cả các loại gãy xương, phẫu thuật và chỉnh hình thẩm mỹ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	P.O.P-KLC3		2025 trở về sau	Anji Sunlight Medical Products Co.,Ltd / Trung Quốc	12 cuộn/túi, 10 túi/thùng	Cuộn	150		
5	Băng cuộn 10cm x 5 m	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước $\leq$ 5 giây. Độ ngậm nước $\geq$ 5gr nước/1gr gac. Chất tan trong nước $<$ 0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq$ 80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói băng bao bì giấy dùng trong y tế. Kích thước: 10cm x 5m - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	BC17		2025 trở về sau	An Lành/ Việt Nam	10 cuộn/ gói	Cuộn	15.000		
6	Băng dính y tế các loại các cỡ	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi $\geq$ 44 x $\geq$ 18/cm <sup>2</sup> . Bờ rãnh của hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. - Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Lõi: liền với cánh bao vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. - Kích thước: 5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	BDL5.5.UGT		2025 trở về sau	Công ty cổ phần Tanaphar/ Việt Nam	1 cuộn/ hộp	Cuộn	10.000		
7	Gạc hút y tế	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước $\leq$ 5 giây. Độ ngậm nước $\geq$ 5gr nước/1gr gac. Chất tan trong nước $<$ 0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq$ 80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Quy cách: khổ 0,8m, 100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	GH2		2025 trở về sau	An Lành/ Việt Nam	100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện	Mét	30.000		
8	Gạc Phẫu thuật Không dệt 7.5 x 7.5cm x 6 lớp	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, chất liệu mềm mịn, có màu trắng đồng nhất. • Không mùi, không có bụi bẩn, sơ sợi lạ, không dính tạp chất. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. • Tốc độ hút nước $\leq$ 5 giây. Độ ngậm nước $\geq$ 5gr nước/1gr gac. • Độ ẩm: 5-6,5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5% • Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq$ 80% +/- 10%. • Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. • Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng. • Quy cách: 10 cái/gói; Được đóng gói băng bao bì giấy có màu chỉ thị diệt trùng dùng trong y tế. • Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm: Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	GPTKDV17		2025 trở về sau	An Lành/ Việt Nam	10 cái/ gói	Cái	3.000		
9	Bơm cho ăn 50ml	- Xylanh có dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	BCA		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Hộp 25 cái x 16h/ kiện	Cái	500		
10	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Xylanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xylanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Giông mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bit piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq$ 1ml để tiến sử dụng cho trẻ em. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	BTLL50: ECO		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Hộp 25 cái x 16h/ kiện	Cái	300		
11	Bơm tiêm Insulin 1 ml	Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pit tổng để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời	BT104: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Hộp 100 cái x 20h/ kiện	Cái	80.000		

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm, 32Gx6mm</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014</li> <li>- Xuất xứ: G7/Việt Nam</li> </ul>								
12	Bơm tiêm 1ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Gioăng có núm bom hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	BTK1: MPV	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV) Việt Nam	Hộp 100 Cái x 42h/ kiện	Cái	5.000		
13	Bơm tiêm 5ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml</li> <li>- Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	BTK5: MPV	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV) Việt Nam	Hộp 100 cái x 20h/ kiện	Cái	200.000		
14	Bơm tiêm 10ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 0,2ml</li> <li>- Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	BTK10: MPV	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV) Việt Nam	Hộp 100 cái x 12h/ kiện	Cái	200.000		
15	Bơm tiêm 20ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đui khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	BTK20: MPV	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV) Việt Nam	Hộp 50 cái x 16h/ kiện	Cái	20.000		
16	Kim cánh bướm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có góc, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: G7/Việt Nam</li> </ul>	KCB01: MPV	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV) Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	100.000		
17	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1". Vĩ đung kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: G7/Việt Nam</li> </ul>	KT01: MPV	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV) Việt Nam	Hộp 200 cái x 50h/ kiện	Cái	200.000		
18	Kim trích máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sử dụng trong việc lấy máu xét nghiệm.</li> <li>• Tiết trùng từng cây bằng tia Gamma.</li> </ul>	GT042-200	2025 trở về sau	Taizhou Kangjian - Trung Quốc	Hộp/200 cái	Cái	5.000		
19	Kim luồn đũa trong y tế các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đơn bắt chéo nhau</li> <li>- Đầu kim 3 mặt vát.</li> <li>- Catheter nhựa: Có 4 đường cân quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon</li> <li>- Độ dài từ kim đến đầu catheter &lt; 1mm.</li> <li>- Kim 18G: tốc độ chảy 96ml/phút.</li> <li>- Độ dài catheter: 45mm</li> <li>- Kim 20G: tốc độ chảy 61ml/phút.</li> <li>- Độ dài catheter: 33mm</li> <li>- Kim 22G: tốc độ chảy 36ml/phút.</li> <li>- Độ dài catheter: 25mm"</li> </ul>	4268130S-03; 4268113S-03; 4268091S-03	2025 trở về sau	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd/ Malaysia	50 cái/ hộp	Cái	70.000		
20	Kim chọc dò gây tê tủy sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu kim Quinke 3 mặt vát sắc bén, dài 88mm và 40mm</li> <li>- Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phản quang màu ánh bạc lăng kính trở nên trong suốt sau khi dịch não tủy chảy ra.</li> <li>- Kích cỡ nông kim: 18G, 20G, 22G dài, 22G ngắn, 25G, 27G, 29G</li> <li>- Tiêu chuẩn châu Âu, ISO 13485:2016</li> <li>- Xuất xứ: G7</li> </ul>	4501390-10; 4509900-10; 4507908-10; 4507401-13; 4505905-10; 4503902-10	2025 trở về sau	B.Braun Aesculap Japan Co., Ltd/ Nhật Bản	Hộp 25 cái	Cái	500		
21	Kim châm cứu các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng</li> <li>- Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,12 - 0,80)mm x (8 - 150) mm</li> <li>- Độ cứng của kim: 420-680 HV (theo thang độ cứng Vickers), tương ứng với đường kính kim 0,3≤d&lt;0,45</li> <li>- Thân kim được làm bằng chất liệu chống ăn mòn tốt</li> <li>- Lực đâm đầu kim: 0.12≤d &lt; 0.25 độ cứng (480 - 680)</li> <li>0.25≤d ≤0.30 độ cứng (460 - 655)</li> <li>0.30 &lt; d ≤0.45 độ cứng (450 - 655)</li> <li>0.45 &lt; d ≤0.80 độ cứng (420 - 630)</li> <li>200 cái/ Hộp</li> <li>Kích thước : 0.18mmx25mm; 0.18mmx40mm; 0.30mmx50mm; 0.30mmx25mm; 0.30mmx40mm; 0.25mmx25mm; 0.25mmx30mm ; 0.25mmx40mm; 0.30mmx75mm.</li> <li>Tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA (FDA thể hiện rõ nhãn hiệu được cấp)</li> </ul>	Hwato	2025 trở về sau	Suzhou Medical Appliance Factory/ Trung Quốc	200 cái/hộp	Cái	150.000		
22	Bộ dây truyền dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</li> <li>- Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</li> <li>- Bùồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8,5ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm.</li> <li>- Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ</li> </ul>	DTD01: MPV	2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV) Việt	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Bộ	100.000		

		dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$ . Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam				Nam				
23	Bộ dây truyền máu	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khi vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dài, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Dây dài $\geq 1800\text{mm}$ làm từ chất liệu PVC y tế, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim cỡ 18Gx1 1/2". Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc 200 $\mu\text{m}$ , tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 - Xuất xứ: G7/Việt Nam	TM: ECO		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 1 bộ x 400 bộ/kiến	Bộ	50	
24	Dây nối bơm tiêm điện	- Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong $\leq 0,9\text{ mm}$ - Đường kính ngoài $\leq 1,9\text{mm}$ - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ $\geq 0,9\text{ml/phút}$ ; áp lực $\geq 2\text{ bar}$ - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực đường chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	ECO		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	100	
25	Khóa ba ngã không dây	• Sản phẩm được làm từ chất liệu y tế cao cấp, không gây kích ứng da, không chứa DEHP, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người sử dụng. • Thân khóa trong suốt: Được làm từ nhựa Polycarbonate y tế, phần thân khóa hoàn toàn trong suốt, giúp người dùng dễ dàng quan sát dòng chảy của dung dịch bên trong, đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng. • Cấu tạo 3 đầu khớp linh hoạt: Khóa ba chạc gồm 1 khóa ren chính và 2 khóa ren phụ, cho phép điều chỉnh lưu lượng dung dịch truyền vào cơ thể một cách chính xác. • Khóa ren dạng đai xoay, có thể xoay 360o, giúp phân phối dung dịch đều đặn và hiệu quả, đồng thời mũi tên chỉ đường truyền trực tiếp giúp thao tác dễ dàng và nhanh chóng. • Chịu áp suất 2 bars • Đóng gói riêng biệt từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO	9000		2025 trở về sau	Wellmed International Industries Pvt.Ltd/ Ấn Độ	500 cái/thùng	Cái	500	
26	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Làm từ cao su tự nhiên, có phủ bột. Màu sắc: Màu trắng cao su tự nhiên Mục đích sử dụng: Y tế (trừ giải phẫu), nha khoa, vệ sinh, công nghiệp, khách sạn, mỹ phẩm, thực phẩm Thiết kế và đặc tính: Sử dụng được cả hai tay ( không phân biệt trái, phải ), nhám đầu ngón tay, cổ tay cuộn	Size XS, S, M, L, XL		2025 trở về sau	Sri Trang Gloves (Thailand) Public Company Limited/ Thái Lan	50 đôi/ hộp; 500 đôi/ kiến	Đôi	270.000	
27	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các cỡ	Găng tay phẫu thuật. Có phủ bột chống dính. Có cỡ 6.5-7.0-7.5- 8.0. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	GPT		2025 trở về sau	Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Xuân Tâm/ Việt Nam	Hộp 50 đôi	Đôi	20.000	
28	Túi máu đơn 250ml	- Dung tích 250ml để chứa máu toàn phần - Hệ thống túi máu đơn này với một túi chính chứa 35 ml chất chống đông CPDA-1 (citrate-phosphate-Dextrose-Adenine) giúp bảo quản hồng cầu lên đến 35 ngày ở 2 độ C - 6 độ C. - Kim lấy máu cỡ 16G và chiều dài kim: 37 $\pm$ 0,5 mm, có nắp bảo vệ. - Ống lấy dây máu dài 980 $\pm$ 40 mm với 12 dây số và có một kẹp để khóa. Ống lấy máu có đường kính ngoài 4,4 $\pm$ 0,1 mm và đường kính trong 3,2 $\pm$ 0,1 mm. - Tiệt trùng	SC-250A		2025 trở về sau	Shandong Weigao Group Medical Polymer Co.,Ltd./ Trung Quốc	5 túi/ gói	Túi	50	
29	Túi nén ép tiệt trùng nhiệt độ cao các cỡ	Túi ép det đóng gói dụng cụ y tế tiệt trùng Sử dụng tương thích với cho máy hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước/ Ethylen oxide Kích thước: 300mmx200mm	Loại đẹp 300mm x 200m		2025 trở về sau	Công ty TNHH Đồng Thịnh Phát/ Việt Nam	Túi 1 cuộn	Cuộn	10	
30	Túi đựng nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phần vách rõ ràng. Có vách đựng tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có băng chia vách nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có băng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố - Xuất xứ: Việt Nam	TNT		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	01 cái/ túi	bộ	1.000	
31	Ống nghiệm chống đông EDTA-K3	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Tripotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K3) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái rời rạc từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy máu 2ml riêng biệt trên thân ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE - Xuất xứ: Việt Nam	ON-05: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	100 ống/khay, 2400 ống/kiến	Ống	40.000	
32	Ống nghiệm chống đông Natri Citrate 3,8% 2ml	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3,8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy máu 2ml riêng biệt trên thân ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE - Xuất xứ: Việt Nam	ON-07: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	100 ống/khay, 2400 ống/kiến	Ống	7.000	
33	Ống nghiệm chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na+, K+, Cl-, ... từ Li+), khi máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH3 và định lượng Alcohol trong máu.Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy máu 2ml riêng biệt trên thân ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE - Xuất xứ: Việt Nam	ON-09: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	100 ống/khay, 2400 ống/kiến	Ống	40.000	
34	Ống nghiệm nhựa có nắp	Ống nghiệm nhựa kích thước 12x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Nắp màu đỏ, không chứa hoá chất. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE - Xuất xứ: Việt Nam	ON-01: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	100 ống/khay, 2400 ống/kiến	Ống	5.000	
35	Ống đặt nội khí quản có bóng	• Dùng để thông đường khí quản.	GM-001-012		2025	Ningbo Great	100 cái/thùng	Cái	200	

	số từ 2/0 đến 9/0	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế: không độc hại, không gây sốt, trong suốt, mềm, nhạy cảm với nhiệt, chống xoắn và gãy gập.</li> <li>Có nới tiêu chuẩn màu trắng và dày, chiều dài 15mm có thể tháo lắp được: giúp đảm bảo sự kết nối an toàn giữa các khớp nối <ul style="list-style-type: none"> <li>Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ giúp tạo độ kín của ống nối khi quán trên khớp nối;</li> <li>Đầu mềm mại không gây tổn thương: Đầu bo tròn đảm bảo việc cầm ống mềm mại và trơn tru</li> <li>Thân ống mềm mại không có gờ sắc giúp việc đặt ống trở nên dễ dàng hơn, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. <ul style="list-style-type: none"> <li>Ống kín: Thiết kế hình trụ và thành ống dày.</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>Có đường cân quang tia X: chạy dọc thân ống, giúp dễ dàng nhận biết được vị trí của ống, kiểm soát vị trí chính xác. Có mắt (lỗ) Murphy <ul style="list-style-type: none"> <li>Có 2 vạch đánh dấu độ sâu thanh môn từ vị trí đầu xa.</li> <li>Các size số từ 2.0mm đến 10mm (Đường kính bóng: 12mm – 30mm)</li> </ul> </li> <li>Đóng gói từng cái riêng biệt, sử dụng 1 lần. Được khử trùng bằng khí EO</li> </ul> <p align="center">Tiêu chuẩn ISO, CE</p>			trở về sau	Mountain Medical Instruments Co., Ltd/ Trung Quốc				
36	Bộ rửa dạ dày	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ rửa dạ dày hệ thống kín gồm 1 túi dịch vào, 1 túi dịch ra, kết nối với nhau bằng hệ thống dây dẫn kín.</li> </ul> <p align="center">- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>	BRDD		2025 trở về sau	Topcons/Việt Nam	Đóng gói theo bộ	Bộ	100	
37	Sonde dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) Xuất xứ: Việt Nam	ODD: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 25 cái x 20 túi / kiện	Cái	300	
38	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Ống dẫn lưu ổ bụng loại không lỗ được sản xuất từ nhựa nguyên sinh, phù hợp sử dụng trong y tế. Đường kính trong 5/7mm. Đường kính ngoài 7/10mm. Chiều dài 396mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	DR0507369: ECO DR0710369: ECO		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	01 cái/ túi	Cái	100	
39	Sonde hút nhớt các số có van	"Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài $\geq 50$ cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: G7/ Việt Nam"	DHD: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 20 cái x 50 túi / kiện	Cái	500	
40	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7,7/9,9/10,5 mm. Đường kính trong ống: 5/6,3/7,7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bẹp méo. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố Xuất xứ: Việt Nam	ST002:MPV; ST008:MPV; ST014:MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 1 cái x 100 cái/ kiện	Cái	1000	
41	Ống hút dịch	"Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài $\geq 50$ cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: G7/ Việt Nam"	DHD: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 20 cái x 50 túi / kiện	Cái	1000	
42	Dây thở oxy 2 nhánh	"- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Ống dây mềm, chống xoắn vặn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Ống dây dẫn chính có chiều dài $\geq 2000$ mm, đường kính ngoài $\geq 5$ mm, lòng ống có khóa chống gập. - Ống dây nhánh có chiều dài $\geq 500$ mm. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam"	DTFOSS: MPV DTOTE: MPV DTONL: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 01 cái x 300 túi / kiện	Cái	1.000	
43	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng 7F, kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm	Kích cỡ 7F x 20 cm Bao gồm: 01 catheter 3 nòng (18Ga,18Ga, 16Ga) chất liệu polyurethane có cân quang với đầu mềm, dây nối dài, kẹp dây, cánh tiêm + 01 Dây dẫn đường kim loại / Nitinol 1 đầu thẳng mềm, 1 đầu chữ J, kích cỡ 0.035" x 60cm + 01 kẹp catheter + 01 kim dẫn đường 18G x 6.5cm (Introducer Needle) + 01 bơm tiêm 5ml + 3 kẹp + 1 nòng 8F x 10cm (Vessel dilator) + 03 nắp bảo vệ + 01 kim tiêm + dao mổ số 11	FV-3726		2025 trở về sau	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd./ Trung Quốc	1 bộ/ hộp	Bộ	10	
44	Kim khâu ba cạnh các cỡ(kim khâu da)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Được sản xuất bằng thép Carbon không gỉ với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắt nhọn.</li> <li>Kim dạng cong hình bán nguyệt.</li> <li>Công dụng: dùng để khâu vết thương. <ul style="list-style-type: none"> <li>Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>Tam giác - tròn: 5*14</li> <li>Tam giác - tròn: 7*17</li> <li>Tam giác - tròn: 8*20</li> <li>Tam giác - tròn: 9*24</li> <li>Tam giác - tròn: 10*24</li> <li>Tam giác - tròn: 11*34</li> <li>Tam giác - tròn: 13*34</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	GT044-001		2025 trở về sau	Jiangxijiyuan Medical - Trung Quốc	Gói/10 cái	cái	100	
45	Chi khâu không tiêu Nylon số 1	Chi khâu tiêu dom sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 1 75cm kim tam giác 3/8C 30mm. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300, phủ silicon, độ nhám bề mặt <0,4Ra. Sợi chỉ được nhuộm Sắc tố FD&C Blue 2. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Châu Âu	9401530		2025 trở về sau	SMI AG-Bi	Hộp 12 sợi	Sợi	700	
46	Chi khâu không tiêu Nylon số 2/0	Chi khâu tiêu dom sợi tổng hợp thành phần Polyamide 6,0 hoặc 6,6 (nylon) số 2/0 75cm kim tam giác 3/8C. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300, phủ silicon, độ nhám bề mặt <0,4Ra. Sợi chỉ được nhuộm Sắc tố FD&C Blue 2. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Châu Âu	9301524		2025 trở về sau	SMI AG-Bi	Hộp 12 sợi	Sợi	1200	
47	Chi khâu không tiêu Nylon số 3/0	Chi khâu tiêu dom sợi tổng hợp Dacron Nylon, thành phần Polyamide 6,0 hoặc 6,6 số 3/0 dài 75cm kim tam giác 3/8C dài 24mm. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300, phủ silicon, độ nhám bề mặt <0,4Ra. Sợi chỉ được nhuộm Sắc tố FD&C Blue 2. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Châu Âu	9201524		2025 trở về sau	SMI AG-Bi	Hộp 12 sợi	Sợi	100	
48	Chi khâu không tiêu Nylon số 4/0	Chi khâu tiêu dom sợi tổng hợp Polyamide 6,0 hoặc 6,6 (nylon) số 4/0 75cm kim tam giác 3/8C 19mm. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300, phủ silicon, độ nhám bề mặt <0,4Ra. Sợi chỉ được nhuộm Sắc tố FD&C Blue 2. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Châu Âu	9151519		2025 trở về sau	SMI AG-Bi	Hộp 12 sợi	Sợi	50	
49	Chi khâu tự tiêu tự nhiên số 1/0	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 1 Đa sử dụng, màu tím hoặc không màu, tiệt khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA). Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE. - Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản. - Độ dẻo chấp nhận bề cong 270° hoặc 3 lần bề cong ở 90°.	9176		2025 trở về sau	TH. KAZANTZIDIS S.A. - MEDIPAC/ Hy Lạp	1 sợi/ vi; 24 vi/ hộp.	Sợi	500	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim được phủ Silicon.</li> <li>- Chi khâu phải có báo cáo đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 do tổ chức NAMSA hoặc tương đương thực hiện các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5).</li> <li>+ Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân).</li> </ul> </li> <li>Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được diễn Mỹ - USP; được diễn châu Âu - EP).</li> <li>Chi mắt sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày.</li> <li>1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, Kim dài 40mm, Chi dài 75cm..</li> </ul>								
50	Chi khâu tự tiêu tự nhiên số 2/0	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 2/0</li> <li>Đa sợi bền, màu tím hoặc không màu, tiết khuẩn.</li> <li>Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA).</li> <li>Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE.</li> <li>- Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản.</li> <li>- Độ dẻo chấp nhận bề cong 270° hoặc 3 lần bề cong ở 90°.</li> <li>- Kim được phủ Silicon.</li> <li>- Chi khâu phải có báo cáo đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 do tổ chức NAMSA hoặc tương đương thực hiện các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5).</li> <li>+ Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân).</li> </ul> </li> <li>Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được diễn Mỹ - USP; được diễn châu Âu - EP).</li> <li>Chi mắt sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày.</li> <li>1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, Kim dài 26mm, Chi dài 75cm.</li> </ul>	9144	2025 trở về sau	TH. KAZANTZIDIS S.A. - MEDIPAC/ Hy Lạp	1 sợi/ vi; 24 vi/ hộp.	Sợi	700		
51	Chi tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin 910 số 1/0	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi tiêu tổng hợp da sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 1 dài 90cm, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ &lt;270 µg/m).</li> <li>1 kim tròn đầu tròn taper CT, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Kim được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác.</li> <li>Kim bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, đem lại độ bền kéo kim &gt; 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập).</li> <li>Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày.</li> <li>Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn FDA.</li> </ul>	VCP359H	2025 trở về sau	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp/36 tệp	sợi	1000		
52	Chi tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin 910 số 2/0	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi tiêu tổng hợp da sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 2/0 dài 70cm, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ &lt;270 µg/m).</li> <li>1 kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Kim được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác.</li> <li>Kim bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, đem lại độ bền kéo kim &gt; 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập).</li> <li>Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày.</li> <li>Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn FDA.</li> </ul>	VCP317H	2025 trở về sau	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp/36 tệp	sợi	1000		
53	Chi tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin 910 số 3/0	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi tiêu tổng hợp da sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 3/0 dài 70cm, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ &lt;270 µg/m).</li> <li>1 kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Kim được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác.</li> <li>Kim bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, đem lại độ bền kéo kim &gt; 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập).</li> <li>Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày.</li> <li>Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn FDA.</li> </ul>	VCP316H	2025 trở về sau	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp/36 tệp	sợi	240		
54	Chi tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin 910 số 4/0	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi tiêu tổng hợp da sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 4/0 dài 70cm, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ &lt;270 µg/m).</li> <li>kim tròn đầu tròn SH-1, dài 22mm 1/2 vòng tròn. Kim được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác.</li> <li>Kim bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, đem lại độ bền kéo kim &gt; 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập).</li> <li>Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày.</li> <li>Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn FDA.</li> </ul>	VCP310H	2025 trở về sau	Ethicon, Inc./ Mỹ	Hộp/36 tệp	sợi	50		
55	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần các loại, các cỡ	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng bằng tia gamma, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22.	Kiato	2025 trở về sau	Kehr/ Ấn Độ	100 cái /hộp	chiếc	1.000		
56	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt</li> <li>- Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester</li> <li>- Hỗ trợ lưu nền 7-mil polyester</li> <li>- Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit dicosanoic, muối bax(1+) và &lt;3% Cellulose acetate butyrate</li> <li>- Phim có thể lưu lại trên đến độ ẩm &gt; 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và điều kiện độ ẩm 30-50 % RH</li> <li>- Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3</li> <li>- Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi</li> <li>- Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485</li> </ul>	1735950	2025 trở về sau	Carestream Health, Inc/ Hoa Kỳ	Hộp 125 tờ	Hộp	250		
57	Súng cấy trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Thiết bị khâu được sử dụng để khâu vết thương của niêm mạc trực tràng và túi trĩ trong kênh hậu môn dùng một lần.</li> <li>* Các cỡ: 32mm,34mm,36mm</li> <li>* Kích thước ghim: 4,5mm.</li> <li>- Số hàng ghim: 2</li> <li>- Số lượng ghim: 32,34,36.</li> <li>- Chiều cao ghim bấm: 0,8-2mm.</li> <li>- Đường kính ngoài: 32,5mm,34,5mm,36,5mm.</li> <li>- Đường kính dao cắt: 24,26,28mm</li> <li>* Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE</li> </ul>	PPHDxx	2025 trở về sau	Golden Stapler Surgical Co.,Ltd./Trung Quốc	Bộ / Hộp	Cái	5		
58	Sonde Foley 2 nhánh cỡ số 8 - 24	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không chứa DEHP gây ung thư.</li> <li>- Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên, Phủ Silicon</li> <li>- Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều.</li> <li>- Lô thông tiêu tiêu lớn và trơn</li> </ul>	WS-B002	2025 trở về sau	Ningbo Weishan Technology Co.,Ltd/Trung Quốc	10 cái/hộp	cái	600		

		- Tráng silicon trong lồng ống - Tệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. - Tiêu chuẩn ISO13485, FSC									
59	Sonde Nelaton các số	Các cỡ: 6 - 26; chiều dài ống: 270 - 400mm 1. Được làm bằng chất liệu cao su thiên nhiên dùng trong y tế, có màu đỏ, có phủ silicon, tròn đều 2. Có thiết kế 1 nhánh dùng để thông tiêu hiệu quả và nhanh chóng 3. Không độc hại, không gây kích ứng; Thân ống mềm mại; Được tệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái 4. Đầu tù nhỏ với 2 lỗ thông bom- hút dịch, thoát nước cạnh bên 5. Được tệt trùng bằng khí EO.	1 way		2025 trở về sau	Guangdong Ecan/ Trung Quốc	500 cái/thùng	cái	200		
60	Chi thị hóa học kiểm soát quá trình tệt khuẩn bằng hơi nước	Chi thị hóa học hơi nước nhóm 5 sử dụng để giám sát chất lượng tệt khuẩn bên trong mỗi gói dung cụ • Giám sát tất cả 3 biến quan trọng của quá trình tệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và độ ẩm nước. • Cấu tạo: - Bao gồm một bức giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. - Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bức giấy • Kích thước: 5.1cm x 1.9cm • Hiệu suất tương quan với một chi thị sinh học • Kiểm soát chất lượng tệt khuẩn gói dung cụ của tất cả các chu trình tệt khuẩn bằng hơi nước từ 121-135°C • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn • Thành phần: - Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm <0.1%, Polypropylene <0.1%, Coatings <0.01%, Mực <0.1% - Sản phẩm không chứa chì • Là chi thị tệt hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485-2016 Xuất xứ G7	1243A		2025 trở về sau	3M Company; Hoa Kỳ	500miếng/gói, 2 gói/thùng	Miếng	2000		
61	Chi thị hóa học kiểm tra chất lượng tệt khuẩn y tế	Bowie-Dick Test dạng gói chuẩn dùng cho tệt khuẩn hơi nước - Giúp xác định chất lượng lò hấp có đạt hay không • Cấu tạo: - Một tờ chi thị hóa học không chứa chỉ nhạy cảm với hơi nước được đặt bên trong của gói - Chấm tròn màu vàng trên nhãn dán bên ngoài là chi thị tiếp xúc • Dùng cho lò hơi nước hút chân không 132-134°C trong thời gian 3.5 - 4 phút để kiểm tra chất lượng lò hấp hàng ngày • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 24 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn • Vạch chỉ thị màu vàng trên tờ test bên trong được in theo hình đường chéo sẽ chuyển sang màu nâu đen hoặc màu đen đồng nhất nếu đạt • Thành phần: - Giấy 85-95%, Chất làm đầy 4-10%, xốp polyurethane/polyether 0.1-1.5% - Mực in không chứa chì • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485-2016 Xuất xứ G7	1233LF		2025 trở về sau	3M Company; Hoa Kỳ	6gói/túi, 5túi/thùng	Gói	20		
62	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với nhiều loại cây pipet trên thị trường, trong suốt, đảm bảo dung tích chính xác.	HDTG02		2025 trở về sau	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd./ Trung Quốc	1.000 cái/ túi	Cái	30000		
63	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với nhiều loại cây pipet trên thị trường, trong suốt, đảm bảo dung tích chính xác.	HDTG03		2025 trở về sau	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd./ Trung Quốc	500 cái/ túi	Cái	20000		
64	Đề lưới gỗ tệt trùng	- Đặc điểm sản phẩm: Chế tạo từ gỗ tự nhiên, thô mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh, Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, độ nhẵn cao, An toàn trong sử dụng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	DLG.TNP		2025 trở về sau	Công ty cổ phần Tanaphar/ Việt Nam	1 cái/ túi; 100 cái/hộp	Cái	5.000		
65	Mặt nạ xông khí dung các cỡ	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥2.1m, lồng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí hít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) Xuất xứ: Việt Nam	MNKD01: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 01 cái x 100 túi / kiện	Cái	1000		
66	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài ≥2.1m, lồng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí hít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố	MNO01: MPV		2025 trở về sau	Công ty Cổ phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Túi 01 cái x 100 túi / kiện	Cái	600		
67	Ambu bóng bóp	- cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh - Chất liệu: Silicone, PVC, loại dùng 1 lần - Bao gồm: Túi trữ khí oxy, mặt nạ PVC và ống dẫn oxy, không chứa latex	Adult; Pediatric; Infant		2025 trở về sau	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd/ Trung Quốc	1 cái/ hộp	Cái	10		
68	Bóng đèn hồng ngoại	• Phổ ánh sáng hồng ngoại cao, tiết kiệm năng lượng. • Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W.	GT154-100		2025 trở về sau	Haining Andisheng - Trung Quốc	Hộp/1 cái	Cái	10		
69	Clip kẹp mạch máu Polymer	- Clip kẹp mạch máu polymer Weck Hemolock các cỡ, không tiêu, không dẫn điện, không ảnh hưởng đến CT, MRI hoặc X-ray. Cơ chế kẹp lạnh, không tỏa nhiệt, không lan nhiệt đến các cấu trúc mô. Cơ chế khóa an toàn với vấu tròn ngậm hàm chắc chắn, gai dọc thân clip với chân bảm 360 chống trượt. Sử dụng được trong phẫu thuật với Robot. Cỡ ML chiều rộng clip 10.3mm, độ dày clip 1.96mm, kẹp mạch từ 3-10mm. Cỡ L chiều rộng clip 14.63mm, độ dày clip 2.49mm, kẹp mạch từ 5mm - 13mm. Cỡ XL chiều rộng clip 18.03mm, độ dày clip 2.49mm, kẹp mạch máu từ 7mm - 16mm	544230; 544240; 544250		2025 trở về sau	Hudson Respiratory Care Tecate S.de R.L.de C.V (A Teleflex Medical Company)/ Mexico	6 cái/ vi	Cái	2000		
70	Sond hậu môn	Ông thông hậu môn các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Có	OHM: MPV		2025	Công ty Cổ	Túi 20 cái x 25	Cái	200		

		giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)			trở về sau	phần nhựa Y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	túi / kiện				
	<b>II. VẬT TƯ THAY THẾ</b>										
71	Nep bàn tay thẳng 4 - 8 lỗ	Chất liệu titanium nguyên chất, lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt. Gồm các cỡ 4-8 lỗ. Độ dày nep 1.3mm, chiều rộng 5.0mm, chiều dài nep từ 31mm - 59mm.	294754xx	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd	9021	2025 trở lên	Trung Quốc	Cái	10		
72	Nep khoai bàn nhỏ xương cánh tay	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14. Chiều dài tương ứng: 38.7; 50.8; 62.9; 75; 87.1; 99.2; 111.3; 123.4; 135.5; 147.6; 159.7; 171.8mm, chiều rộng 11mm, độ dày 3mm. Nep bao gồm cả lỗ khóa và lỗ thường. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPDC-03 ~ LPDC-14	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	10		
73	Nep khóa thân cẳng chân	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ từ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14. Chiều dài tương ứng số lỗ: 70; 86.5; 103.0; 119.5; 136.0; 152.5; 169.0; 185.5; 202.0; 218.5; 235.0 mm. Độ dày 4.2mm, chiều rộng 14mm. Nep bao gồm cả lỗ khóa và lỗ thường. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPNC-04 ~ LPNC-14	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	10		
74	Nep khóa cẳng tay	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 tương ứng chiều dài 37, 49, 61, 73, 85, 97, 109, 121, 133, 145 mm. Độ dày nep 2.3mm. Chiều rộng 11mm. Nep chỉ bao gồm lỗ khóa. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPOT-03 ~ LPOT-12	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	20		
75	Nep khóa chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ từ 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Độ dày nep 3mm, chiều rộng 10 mm. Chiều dài tương ứng số lỗ 36, 48, 60, 71.6, 82.7, 80.9, 93.9, 103.9, 113.8mm. Nep chỉ bao gồm lỗ khóa. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPCV-03L ~ LPCV-10L; LPCV-03R ~ LPCV-10R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	12		
76	Nep khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong có nén ép, các cỡ, chất liệu Titanium	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 8, 10, 12, 14, 16. Chiều dài tương ứng số lỗ: 87.36; 111.36; 135.36; 159.36; 189.36mm. Độ dày 3.0mm. Chiều rộng thân nep: 10mm. Nep chỉ bao gồm lỗ khóa. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPMH-08L ~ LPMH-16L; LPMH-08R ~ LPMH-16R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	5		
77	Nep khóa đầu dưới xương cánh tay, mặt ngoài, có nén ép, các cỡ, chất liệu Titanium	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 7, 9, 11, 13, 15, 17, 19. Chiều dài tương ứng số lỗ: 83.96; 107.96; 131.96; 155.96; 179.96; 203.96; 227.96mm. Độ dày 3.0mm. Chiều rộng thân nep: 11.0mm. Nep bao gồm cả lỗ khóa và lỗ thường. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPDH-07L ~ LPDH-19L; LPDH-07R ~ LPDH-19R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	5		
78	Nep khóa đầu dưới xương chày mặt trong trái/ phải các cỡ, chất liệu titan	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 3, 5, 8, 11, 14. Chiều dài tương ứng số lỗ: 99; 126.2; 165.5; 208; 248.5mm. Độ dày thân nep 2.8mm, độ dày đầu nep 3.1mm. Chiều rộng thân nep: 13.5mm; Chiều rộng đầu nep: 21.5mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPTD-B03L ~ LPTD-B14L; LPTD-B03R ~ LPTD-B14R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	6		
79	Nep khóa đầu dưới xương đùi, chất liệu titan	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15. Chiều dài tương ứng số lỗ: 140.27; 163.54; 181.42; 205.4; 220.03; 234.78; 243.52; 259.95; 274.41; 291.8; 306.25; 323.2mm; độ dày 5.5mm. Chiều rộng thân nep: 17.5mm. Chiều rộng đầu nep: 34.23mm. Nep bao gồm cả lỗ khóa và lỗ thường. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPDF-04L ~ LPDF-15L; LPDF-04R ~ LPDF-15R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	6		
80	Nep khóa đầu dưới xương quay chữ T	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 3, 4, 5. Độ dày 2.0 mm. Chiều rộng thân nep 9.5 mm. Chiều rộng đầu nep: type A: 22.6mm; type B: 26mm; type C: 22.3mm; type D: 25.8mm. Chiều dài tương ứng số lỗ: type A: 50.0, 56.6, 63.8mm; type B: 50.1, 56.7, 63.8mm; type C: 49.9, 56.5, 63.7mm; type D: 50.1, 56.7, 63.8mm. Nep bao gồm lỗ khóa cho vít 3.5, 2.5 và lỗ thường cho vít xương cứng 3.5. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPDR-A03L ~ LPDR-A05L; LPDR-A03R ~ LPDR-A05R; LPDR-B03L ~ LPDR-B05L; LPDR-B03R ~ LPDR-B05R; LPDR-C03L ~ LPDR-C05L; LPDR-C03R ~ LPDR-C05R; LPDR-D03L ~ LPDR-D05L; LPDR-D03R ~ LPDR-D05R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	2		
81	Nep khoá đầu dưới xương quay (chữ T nhỏ)	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 3, 4, 5. Độ dày 2.0 mm. Chiều rộng thân nep 9.5 mm. Chiều rộng đầu nep: type A: 22.6mm; type B: 26mm; type C: 22.3mm; type D: 25.8mm. Chiều dài tương ứng số lỗ: type A: 50.0, 56.6, 63.8mm; type B: 50.1, 56.7, 63.8mm; type C: 49.9, 56.5, 63.7mm; type D: 50.1, 56.7, 63.8mm. Nep bao gồm lỗ khóa cho vít 3.5, 2.5 và lỗ thường cho vít xương cứng 3.5. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPDR-A03L ~ LPDR-A05L; LPDR-A03R ~ LPDR-A05R; LPDR-B03L ~ LPDR-B05L; LPDR-B03R ~ LPDR-B05R; LPDR-C03L ~ LPDR-C05L; LPDR-C03R ~ LPDR-C05R; LPDR-D03L ~ LPDR-D05L; LPDR-D03R ~ LPDR-D05R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	4		
82	Nep khóa đầu trên xương cánh tay	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 4, 5, 6, 7, 8. Chiều dài tương ứng số lỗ: 90; 102.5; 115; 127.5; 140mm. Độ dày 3.0mm. Chiều rộng thân nep: 11.9mm; Chiều rộng đầu nep: 23.17mm. Nep bao gồm cả lỗ khóa và lỗ thường. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPPH-04LC ~ LPPH-08LC	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	6		
83	Nep khóa đầu trên xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các loại, chất liệu titan	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 8, 11, 14, 17, 20. Chiều dài tương ứng số lỗ: 79; 115; 151; 187; 223mm. Độ dày 3.5mm. Chiều rộng thân nep: 12mm; chiều rộng đầu nep: 32mm. Nep bao gồm cả lỗ khóa và lỗ thường. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPPR-08L ~ LPPR-20L; LPPR-08R ~ LPPR-20R	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	8		
84	Nep khóa đầu trên xương đùi các cỡ, trái/ phải, hợp kim titanium	Chất liệu Titanium nguyên chất, lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 4-12 lỗ ở thân. Đầu có 5 lỗ. Độ dày nep 5.2mm, chiều rộng 18.0mm, trái/phải các loại, chiều dài nep từ 145mm đến 305mm.	22575xxx	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd	9021	2025 trở lên	Trung Quốc	Cái	6		
85	Nep khóa thân xương đùi	Chất liệu Pure Titanium. Số lỗ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14. Chiều dài tương ứng số lỗ 66.0; 82.5; 99.0; 115.5; 132.0; 148.5; 164.0; 181.5; 198.0; 214.5; 231.0mm. Độ dày nep 5mm, chiều rộng nep 18.1567 mm. Nep bao gồm cả lỗ khóa và lỗ thường. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPBR-04 ~ LPBR-14	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	10		
86	Vít khoá đường kính 2.0mm	Chất liệu titanium Alloy, tự taro, mũ vít hình sao. Đường kính 2.0mm, đường kính lõi vít 1.4mm. Chiều dài từ 6 - 14mm, bước tăng 1mm; Chiều dài từ 14 - 30mm, bước tăng 2mm.	394756xx	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd	9021	2025 trở lên	Trung Quốc	Cái	40		
87	Vít khoá đường kính 3.5mm	Chất liệu Titanium Alloy. Có 24 chiều dài khác nhau. Chiều dài từ 10-40, bước tăng 2mm; từ 40-80, bước tăng 5mm. Đường kính mũ vít: 4.8 mm; Đường kính thân: 3.5 mm; Vít tự taro. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	PCS3510 ~ PCS35100	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	350		
88	Vít khoá đường kính 5.0mm	Chất liệu Titanium Alloy. Có 29 chiều dài khác nhau. Chiều dài từ 14-50mm, bước tăng 2mm; từ 50-100mm, bước tăng 5mm. Đường kính mũ vít: 6.3 mm. Đường kính thân: 4.5 mm. Vít tự taro. Tiêu chuẩn ISO, CE, GMP.	LPS4514S ~ LPS45100S	Taeyeon Medical Co. Ltd	9021	2025 trở lên	Hàn Quốc	Cái	300		
	<b>III. VẬT TƯ Y TẾ KHÁC</b>										
89	Giấy điện tim	Loại giấy in nhiệt sử dụng cho máy đo điện tim. Kích thước: 110 mm x 20 m (dạng cuộn) Loại sọc lưới Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Kích thước: 110mmx20m	Tianjin Grand Paper Industry Co.,Ltd/Trung Quốc			Trung Quốc	Cuộn	80		
90	Giấy in máy nước tiểu	- Kích thước: Chiều rộng: 57mm; Chiều dài: 45m	Giấy in nhiệt K57	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ giấy Hải Anh/ Việt Nam			Việt Nam	Cuộn	80		
91	Giấy in Monitor sản khoa	Giấy monitor sản khoa 112 mm x 100 mm x 150 sheet	Kích thước: 112mm x 100mm x 150sheet	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd/ Trung Quốc			Trung Quốc	Cuộn	100		
92	Giấy siêu âm	- Dạng cuộn - Kích thước: Chiều rộng 110mm, chiều dài 20m - Độ dày 78±3µm - Mật độ quang học nền tối đa 0,10 - Độ bền xé (MD/TD) tối thiểu 15/22 g - Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony, Mitsubishi và Toshiba - Độ phân giải tốt, độ tương phản cao và khả năng in tốt - Chất lượng cao và khả năng bảo quản tốt - Đảm bảo không chứa BPA	UST-110S/ UST	UST Coating & Technology Inc/Hàn Quốc			Hàn Quốc	Cuộn	120		

		- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485							
93	Điện cực dán đo máy điện tim	- Dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao, Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. - Kích thước 35mm x 41mm; - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Skintact/ FS- TC 1/10	Leonhard Lang GmbH/áo			Cái	400	
94	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang tế gồm 4 lớp kháng khuẩn. Quy cách: 50 cái/ hộp. - Dây đeo: Dây đeo bằng sợi polyester và spandex, độ giãn thun thoải mái. Giúp cho việc đeo, tháo khẩu trang dễ dàng, đảm bảo vệ sinh an toàn khi sử dụng, không gây dị ứng - Các lớp vải : dạng phẳng, có nếp gấp + Hai lớp vải ngoài: không dệt tác dụng chống thấm nước, ngăn cản các hạt chất lỏng, bọt bắn kích thước lớn + Lớp trong: màu trắng, mặt vải quay vào trong tiếp xúc trực tiếp với da mặt, có khả năng thấm hút nước, mờ hơi. + Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn, đóng vai trò quan trọng nhất. Yêu cầu đối với lớp vi lọc là thấu khí, không thấm nước. - Thanh nẹp mũi: Bằng nhựa 100% nguyên chất hoặc kẽm bọc nhựa. Thanh nẹp mũi mềm, dễ uốn cong có tác dụng kẹp kín khẩu trang lên sống mũi. Đạt theo tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010 Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE	KTYT6	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/ Việt Nam			Cái	20.000	
95	Mũ giấy đã tiệt trùng	Vải không dệt polypropylen cao cấp Màu xanh đồng đều, không loang lổ, ko dính tạp chất. Không kích ứng da 2.9g – 3.8g/ 1cái. Quy cách: 1 cái/ gói Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;ISO 11135:2014; chứng nhận CE, Chứng nhận QCVN01:2017/BCT.	MPT1	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành, Việt Nam			Cái	10.000	
96	Dây garo cao su	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt. Có băng gai định 2 đầu, miệng băng gai bền chắc, dễ tháo tác. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. • Lực kéo đứt ( độ bền kéo): ≥ 100 N • Độ đàn hồi tương đối: ≥75% • Khả năng bám dính của băng gai: ≥ 5 N • Độ bền miếng dán ≥ 100 lần • Mật độ đường may: ≥ 3 mũi / 1cm • Kích thước: 2,5cm (+/-0,5cm) x 30cm (+/- 2cm ) • Quy cách đóng gói: 10 cái/ gói. Dây garo được đóng trong nylon có thông tin sản phẩm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận CE.	DGR	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/ Việt Nam			Cái	100	
97	Lam kính	- Chất liệu kính Soda vôi - Kích thước: Chiều dài 25,4; Chiều rộng: 76,2 mm. Độ dày ≥ 1.0mm. - Trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc.	HD7102	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd., Trung Quốc			Hộp	100	
98	Lam kính mài	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc.	HD7105	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd., Trung Quốc			Hộp	20	
99	Nhiệt kế thủy ngân	- Dùng để đo nhiệt độ, có vạch chia rõ nét, dễ quan sát. - Khoảng đo: Từ 32°C – 42°C Thành phần gồm: 97-98% thủy tinh; 1-2% thủy ngân (Hg); < 1% Bạc (Ag) Nhiệt kế có thể cho kết quả trong vòng 60s và độ chính xác lên đến 0,1°C	CRW-23	Jiangsu Yuyue Medical Instruments Co., Ltd./Trung Quốc			Cái	120	
100	Hộp an toàn	Vật liệu: Hộp giấy Duplex , ép nilon bóng 2 mặt để chống thấm .5L	HAT5	Công ty TNHH SX KD TBYT Đức An/ Việt Nam			Cái	2000	
101	Bộ huyết áp	Bộ Huyết áp đồng hồ ( Huyết áp cơ ) + Ong nghe Huyết áp đồng hồ (Huyết áp cơ) - Ký mã hiệu : No.500-V Ong nghe : Ký mã hiệu : No.FT-801 Nhân hiệu : ALPK2 Tiêu chuẩn chất lượng : EN ISO 13485:2016 Hàng mới : 100%; theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất Cấu hình của huyết áp No.500-V: - 01 đồng hồ đo áp lực - Hệ thống bơm khí : 01 bóng bơm khí; 02 ống dẫn khí; 01 van xả khí - 01 đai băng cuộn tay bằng cotton, dành cho người lớn kích thước 145x500mm - 01 bao hơi cao su kích thước 120x225mm - 01 túi đựng giả da Tiêu chuẩn kỹ thuật : - Đồng hồ đo áp lực hiển thị kim tiêu chuẩn cho người lớn, mặt đồng hồ màu trắng, chữ số màu đen,có hiển thị khoảng huyết áp thông thường, đường kính đồng hồ 50mm nhỏ gọn, có kẹp gài thuận tiện cho thao tác khi đo, kim đồng hồ định vị ở số 0, vạch chia của đồng hồ là 2mmHg. - Lưu lượng bơm của đồng hồ (khoảng đo) : 20 ~ 300mmHg - Độ chính xác(sai số) : ±3mmHg - Hệ thống bơm bằng cao su, quả bóp có van chắc chắn, dễ vận hành - Trong lượng : 430g - Quy cách đóng gói : 50 cái/hộp to - Thể tích đóng gói : 0.065 m3, 23.0 kg Cấu hình của Ong nghe No.FT-801 : - Là ống nghe hai đầu nghe tiêu chuẩn gồm có : 01 bộ phận mặt nghe làm bằng nhôm, được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, chuông nghe được thiết kế dạng hai chiều nghe (hai đầu nghe) - 01 Ong nghe hai tai làm bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa màu trắng - 01 Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC, màu xám - Trong lượng : 130g - Quy cách đóng gói : 100 cái/thùng, 0.0586m3, 14.5 kg - Nguyên lý: nghe nhịp tim, nhịp mạch qua màng nghe	No.500-V và No.FT-801	Tanaka Sangyo Co.,Ltd - Nhật Bản			Bộ	10	
102	Dây điện chặm	- Dây cáp điện cực đã gắn đầu nối dùng cho máy điện chặm - Vỏ bọc nhựa cách điện, lõi dây đồng. Giắc tròn 3.5mm. Dây dài 1,27 m, 1 đầu đực ra 2 đầu kim kẹp hàm cá sấu kim loại - Điện áp 10mA	5002 CABLE-A	Wujin Greatwall Medical Device Co., Ltd. Changzhou			Cái	500	
103	Túi bao Camera M6 nội soi	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2.2mm x60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm, Dây buộc 2.2mm x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong,bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng đúng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 11135:2014; chứng nhận CE.	TCMR	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/ Việt Nam			Túi	200	
104	Cốc đơm	Chất liệu: Lọ được làm bằng nhựa y tế PS/PP, kích thước 36x60mm, dung tích tối đa 60ml, không thìa, nắp màu đỏ. Không tiệt	APM-SL01	Công ty cổ phần			Cái	500	





		Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, CE, FDA Phân loại TTBYT: C									
131	Test thử nhanh phát hiện MOP/MDMA/MET/THC/COX trong nước tiểu 5 chân	Khay thử xét nghiệm định tính MOP/COD/HER/THC/AMP + Ngưỡng phát hiện - MOP: 250 mg/ml - COD: 200 mg/ml - HER: 10 mg/ml - THC: 50 mg/ml - AMP: 500 mg/ml + Độ nhạy, độ đặc hiệu thử nghiệm trên 250 mẫu MOP: Độ nhạy 94,3%, Độ đặc hiệu 97,2% COD: Độ nhạy 95,1%, Độ đặc hiệu 94,4% HER: Độ nhạy 96,3%, Độ đặc hiệu 98,5% THC: Độ nhạy 99,9%, Độ đặc hiệu 99,1% AMP: Độ nhạy 99,1%, Độ đặc hiệu 98,6%		Anhui Formaster Biosci Co., Ltd/ Trung Quốc	3808			test	4000		
132	Bộ thuốc nhuộm Gram ( Fuchsin + Lugol 3%+ tím Gentian)	Bộ nhuộm dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm vi sinh vật theo phương pháp Gram.. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml	B250900	Công ty Cổ phần SEMIND/Việt Nam	3822			Bộ	2		
133	Bộ nhuộm Lao	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	B250902	Công ty Cổ phần SEMIND/Việt Nam	3822			bộ	15		
	<b>2. Hóa chất cho máy xét nghiệm Huyết học ABX MICROS 60</b>										
134	Dung dịch pha loãng máu	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0.1 % Sodium salts < 1,0 % Natrium azide < 0,05 % Quy cách: Hộp 10 lít	HXD310/ Diluton LMG/ SFRI SAS	3822	2025 trở về sau	Pháp	Hộp	80			
135	Dung dịch rửa	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0.5 % Sodium salts < 2,0 % Proteolytic enzyme < 0,5% Preservative < 0,05 % Quy cách: Hộp 1 lít	HXC302/ Diluclair A/ SFRI SAS	3822	2025 trở về sau	Pháp	Hộp	50			
136	Dung dịch ly giải	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 3.0 % Potassium cyanide < 0,05 % Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485 Quy cách: Hộp 1 lít	HXL321/ Lysoglobine LMG 2/ SFRI SAS	3822	2025 trở về sau	Pháp	Hộp	40			
137	Dung dịch rửa đậm đặc	Dung dịch sạch dùng cho máy phân tích huyết học. Sodium hypochlorite < 4.0% vừa đủ 500ml Đạt tiêu chuẩn Iso 13485 Quy cách: Hộp 0.5L	HXC101/ Hemaclair/ SFRI SAS	3822	2025 trở về sau	Pháp	Hộp	10			
	<b>3. Hóa chất cho máy huyết học 3 thành phần MISPA COUNT</b>										
138	Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức thấp - Trung - Cao	Dùng cho kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485. Đóng gói Hộp 3x3ml	H031111/ Bloodrot 3D (L,N,H)/ SFRI SAS	3822	2025 trở về sau	Pháp	bộ	10			
139	Dung dịch pha loãng máu	Dùng để đếm và định cỡ tế bào máu Thành phần: Buffering agents: 4 - 8 g/L Conductive salts 0.5 - 3 g/L Anti fungal&Anti bacterial agent 0.4 - 1.5 g/L Tiêu chuẩn ISO 13485 1x20 L	54040002/ Diluten DX3/ Agappe Diagnostics Ltd.	3822	2025 trở về sau	Ấn Độ	Hộp	30			
140	Dung dịch rửa rửa máy định ki	Dùng để làm sạch đầu dò kim máu Thành phần: Surfactant > 2.0 g/L Sodium hypochlorite > 0.5-6.5g/L Sodium chloride > 8.5 g/L Tiêu chuẩn ISO 13485 4x30 ml	54004006/ Probe Cleaner PX3/ Agappe Diagnostics Ltd.	3822	2025 trở về sau	Ấn Độ	Hộp	15			
141	Dung dịch ly giải mẫu	Dùng để đếm số lượng bạch cầu, phân biệt bạch cầu và đo Hemoglobin Thành phần: Quaternary ammonium salts - < 50 g/L Non-ionic surfactants - < 1.3-3.5 g/L 2-Propanol - 0.1 - 3.5mL/L Tiêu chuẩn ISO 13485 1x200 ml	54003008/ Lyse LX3/ Agappe Diagnostics Ltd.	3822	2025 trở về sau	Ấn Độ	Hộp	150			
142	Dung dịch rửa ống	Dùng để làm sạch đường ống Sodium chloride 3.0 - 5.5 g/L Sodium sulphate anhydrous 7.5 - 11.5 g/L Buffering agents 1.0 - 3.0 g/L Non ionic surfactant 5.0 - 8.0 g/L Anti fungal & anti bacterial agent 0.8 - 2.5 g/L Tiêu chuẩn ISO 13485 1x1000 ml	54039003/ Cleaner(CX3)/ Agappe Diagnostics Ltd.	3822	2025 trở về sau	Ấn Độ	Hộp	40			
	<b>4. Hóa chất chạy trên máy sinh hóa BS-400</b>										
143	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; dải đo: 1,6-6 g/dL. Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20	ALBU-0600/ALBUMIN	3822		Pháp	R: 2 x 125 ml + Std: 1x2ml	Hộp	35		

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bromocresol green: 0.2 mmol/L</li> <li>- Surfactant</li> <li>Chất chuẩn: Std</li> <li>-Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L)</li> <li>- Sodium azide: &lt; 0.1%</li> </ul>									
144	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất 1: R1</li> <li>-Tris buffer, pH 7.50</li> <li>-L-alanine: 680 mmol/L</li> <li>-LDH: ≥2000 U/L</li> <li>-Sodium azide: &lt;0.1%</li> <li>Hóa chất 2: R2</li> <li>-Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L</li> <li>-NADH: 1,1 mmol/L</li> <li>-Sodium azide: &lt;0.1%</li> </ul>	ALSL-0510/ALT/GPT 4+1SL	3822		Pháp	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml	Hộp	18		
145	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa; dải đo: 20-1500 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Good's buffer, pH 6.15</li> <li>- CNP-G: 2,27 mmol/L</li> <li>- Sodium azide: &lt;0.1%</li> <li>- Củng chứa calcium và muối chloride, cũng như potassium thiocyanate cho hiệu suất tối ưu</li> </ul>	AMSL-0400/AMYLASE SL	3822		Pháp	6 x 50 ml	Hộp	4		
146	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; dải đo: 10-450 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất 1: R1</li> <li>-Tris buffer, pH 7.8</li> <li>-L-aspartate: 330 mmol/L</li> <li>-LDH: ≥ 2000 U/L</li> <li>-MDH: ≥ 1000 U/L</li> <li>-Sodium azide: &lt;0.1%</li> <li>Hóa chất 2: R2</li> <li>-Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L</li> <li>-NADH: 1.1 mmol/L</li> <li>-Sodium azide: &lt;0.1%</li> </ul>	ASSL-0510/AST/GOT 4+1 SL	3822		Pháp	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml	Hộp	18		
147	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.08-10.55 mg/dL (1.4-180.4 μmol/L)</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất 1: R1</li> <li>-Sulfanilic acid: 29 mmol/L</li> <li>Hóa chất 2: R2</li> <li>-Sodium nitrite: 11 mmol/L</li> </ul>	BIDI-0500/Bilirubin Direct	3822		Pháp	R1: 1x100 mL + R2: 1x25mL	Hộp	4		
148	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.25-25 mg/dL (4.3-427.6 μmol/L)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất 1: R1</li> <li>-Sulfanilic acid: 29 mmol/L</li> <li>-Cetrimide: 29 mmol/L</li> <li>Hóa chất 2: R2</li> <li>-Sodium nitrite: 11 mmol/L</li> </ul>	BITO-0600/BILIRUBIN TOTAL 4+1	3822		Pháp	R1: 2x100ml + R2: 1x50ml	Hộp	3		
149	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; dải đo: 20 - 600 mg/dL (0.52-15.52 mmol/L)</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất: R</li> <li>- Good's buffer, pH 6.7</li> <li>- Phenol: 24 mmol/L</li> <li>- Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L</li> <li>- Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L</li> <li>- Peroxidase : ≥ 1000 U/L</li> <li>- 4-aminoantipyrine: 0.5 mmol/L</li> <li>- Sodium azide: &lt; 0.1%</li> <li>Chất chuẩn: Std</li> <li>- Cholesterol: 200mg/dL</li> </ul>	CHSL-0707/Cholesterol SL	3822		Pháp	R: 4 x 250 ml + Std: 1 x 5 ml	Hộp	3		
150	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC trên máy sinh hóa; dải đo: 10-1714 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất 1: R1</li> <li>- Imidazole buffer, pH 6.10 (20°C)</li> <li>- D-Glucose: 25 mmol/L</li> <li>- NADP: 2,5 mmol/L</li> <li>- Hexokinase: ≥ 6800 U/L</li> <li>- Sodium azide: &lt; 0.1%</li> <li>Hóa chất 2: R2</li> <li>- Imidazole buffer, pH 8,9 (20°C)</li> <li>- Creatine phosphate: 250 mmol/L</li> <li>- ADP : 15,2 mmol/L</li> <li>- G-6-PDH: ≥ 8800 U/L</li> <li>- Sodium azide: &lt; 0.1%</li> </ul>	CKSL-0410/CK NAC SL	3822		Pháp	R1: 2x50ml + R2: 1x26ml	Hộp	4		
151	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB	<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB trên máy sinh hóa; dải đo: 10-600 U/L</p> <p>Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hóa chất 1: R1</li> <li>- Imidazole buffer, pH 6.1 (20°C)</li> <li>- D-Glucose: 25 mmol/L</li> <li>- NADP: 2,5 mmol/L</li> <li>- Hexokinase : ≥ 6800 U/L</li> <li>- Sodium azide: &lt;0.1%</li> <li>Hóa chất 2: R2</li> <li>- Imidazole buffer, pH 8,9 (20°C)</li> <li>- Creatine phosphate: 250 mmol/L</li> <li>- ADP : 15,2 mmol/L</li> <li>- G-6-PDH: ≥ 8800 U/L</li> <li>- Sodium azide: &lt;0.1%</li> </ul>	CMSL-0410/CK-MB SL	3822		Pháp	R1: 2x50ml + R2: 1x26ml	Hộp	4		
152	Vật liệu kiểm soát mức bất thường xét nghiệm định lượng CK	<p>Hóa chất kiểm chuẩn, kiểm tra chất lượng xét nghiệm CK-MB; quy cách: 4 x 3 mL/hộp</p> <p>Thành phần:</p> <p>Sản phẩm đồng khô được chuẩn bị từ huyết thanh người và CK-MB người</p> <p>Sodium azide: &lt;0.1%</p>	CKMB-0900/CK-MB Control	3822		Pháp	4 x 3 ml	Hộp	2		

153	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 µmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8,73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312,5 mmol/L - Disodium phosphate 12,5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL (177µmol/L)	CRCO-0600/CREATININE JAFFE	3822	Pháp	R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml	Hộp	84	
154	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; dải đo: 20-400 mg/dL ((1.11 - 22.20 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	GPSL-0707/GLUCOSE PAP SL	3822	Pháp	R: 4 x 250 ml + Std: 1 x 5 ml	Hộp	18	
155	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL trên máy sinh hóa; dải đo: 5 - 200 mg/dL (0.13-5.17 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 9000 U/L Hóa chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 180 U/L -Peroxidase: ≥ 15000 U/L -4-aminoantipyrine: ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.6 % -Sodium azide: < 0.1 %	CHDL-0600/HDL Cholesterol	3822	Pháp	R1: 2x90ml + R2: 1x60ml	Hộp	3	
156	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trên máy sinh hóa; dải đo: 15 - 600 mg/dL (0.39-15.52 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 5000 U/L -Surfactant: 1% Hóa chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 2000 U/L -Peroxidase: ≥ 20000 U/L -4-aminoantipyrine (4-AA): ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.025 % -Sodium azide: < 0.1 %	CLDL-0250/LDL CHOLESTEROL	3822	Pháp	R1: 4x21ml + R2: 2x14ml	Hộp	4	
157	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy sinh hóa; Dải đo: 0.2-12 g/dL (2-120 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/dL -Sodium azide: <0.1%	PROB-0600/TOTAL PROTEIN PLUS	3822	Pháp	R: 2x125ml + Std: 1x5ml	Hộp	40	
158	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh * Dải đo 30-1000 mg/dL (0,34-11,30 mmol/L) *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2,7 mmol/L - ATP: 3,15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0,31 mmol/L - Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L - Glycerol kinase: ≥ 500 U/L - Glycerol- 3- phosphate oxidase: ≥ 4000 U/L - Peroxidase: ≥ 500 U/L - Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn: Std - Glycerol (trong tự triglycerides) 200 mg/dL - Sodium azide: <0.1%	TGML-0707/TRIGLYCERIDES MONO SL NEW	3822	Pháp	R: 4x250ml + Std: 1x5ml	Hộp	3	
159	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa Dải đo: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1,67-49,95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7,60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% Hóa chất 2: R2 -NADH: 1,3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8,33 mmol/L)	URSL-0507/UREA UV SL	3822	Pháp	R1: 5x100ml + R2: 1x127ml + Std: 1x5ml	Hộp	18	
160	Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric	*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh. *Dải đo: Huyết thanh/huyết tương: 1,5-25 mg/dL; Nước tiểu: 5-250 mg/dL	AUML-0507/Uric Acid Mono SL	3822	Pháp	R: 6x100ml + Std: 1x5ml	Hộp	4	

		<p>*Thành phần: Hóa chất R: - Buffer, pH 7.0 (20-25°C) - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Peroxidase: ≥12000 U/L - Sodium azide: &lt;0.1% Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 μmol/L) - Sodium azide: &lt;0.5%</p>								
161	Hóa chất kiểm chuẩn mức bất thường cho các xét nghiệm thường quy	<p>Hoà chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức 1 cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.</p>	CONT-0060/ELITROL I	3822	Pháp	5ml	Lọ	30		
162	Hóa chất kiểm chuẩn mức thường cho các xét nghiệm thường quy	<p>Hoà chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức 2 cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.</p>	CONT-0160/ELITROL II	3822	Pháp	5ml	Lọ	24		
163	Hóa chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy	<p>Hoà chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm hóa sinh liệt kê trong bảng giá trị đi kèm; Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Sodium azide &lt; 0.1% - Nồng độ của chất phân tích để kiểm tra theo từng lô.</p>	CALI-0550/Elical 2	3822	Pháp	3ml	Lọ	48		
164	Dung dịch tinh acid dùng để rửa cho máy phân tích sinh hóa tự động	<p>*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.</p>	105-000107-00/CD 80 Detergent	3402	Trung Quốc	2 L/can	Lọ	12		
165	Dung dịch tinh kiềm dùng để rửa cho máy phân tích sinh hóa tự động	<p>Dung dịch dùng để rửa kim và cuvette của máy xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: SOL : 1 x 1 L Thành phần: - Sodium azide &lt; 0.1 % - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.</p>	SLSY-5905/SYSTEM SOLUTION	3402	Pháp	1 L	Lọ	12		
166	Bóng đèn 12-20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	801-BA80-00222-00/20W lamp	8539	Trung Quốc	1 cái	Cái	5		
167	Cuvette cho máy sinh hóa	Cuvet phân ứng bằng nhựa dùng nhiều lần cho máy xét nghiệm sinh hóa	115-004016-00/Plastic Cuvette	3926	Trung Quốc	100 cái/Hộp	hộp	1		
<b>5. Hóa chất chạy trên máy sinh hóa BS-430</b>										
168	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	<p>Để xác định định lượng nồng độ ALB trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: Bromocresol Green Method Dải tuyến tính: 3-60g/L Thành phần gồm: Hóa chất R: - Citrate buffer: 30 mmol/L - Bromocresol green: 0,26 mmol/L Surfactant: 1,5 g/L</p>	105-000822-00/Albumin Kit	3822	Trung Quốc	R:4x40 mL	Hộp	30		
169	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	<p>Để xác định định lượng hoạt tính Alanine Aminotransferase trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: IFCC Method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dải tuyến tính: 4-1000 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris-buffer: 150 mmol/L - L-Alanine: 750 mmol/L - LDH ≥1200 U/L - NADH: 0.4 mmol/L Hóa chất R2: - α-Oxoglutarate: 90 mmol/L - NADH: 0.9 mmol/L</p>	105-000814-00/Alanine Aminotransferase Kit	3822	Trung Quốc	R1:4x35 mL+R2:2x18 mL	Hộp	24		
170	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	<p>Thuốc thử α-AMY dùng để xác định định lượng hoạt tính của α-Amylase (1,4-α-D-glucanohydrolases) trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu trên hệ thống đo quang. Phương pháp đo: IFCC Method Dải tuyến tính: 5-1500 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris buffer: 50 mmol/L - Magnesium sulphate: 10 mmol/L - α-Glucosidase: 4500 U/L Hóa chất R2: - Tris buffer: 50 mmol/L - E-pNP-G7: 5.5 mmol/L</p>	105-000847-00/α-Amylase Kit	3822	Trung Quốc	R1:1x38 mL+R2:1x10 mL	Hộp	7		
171	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	<p>Thuốc thử AST dùng để xác định định lượng hoạt độ AST trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: IFCC method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dải tuyến tính: 4-800 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris Buffer: 100 mmol/L - L-aspartate: 300 mmol/L - LDH ≥ 900 U/L - MDH ≥ 600 U/L - NADH: 0.4 mmol/L Hóa chất R2: - α-oxoglutarate: 60 mmol/L - NADH: 0.9 mmol/L</p>	105-000815-00/Aspartate Aminotransferase Kit	3822	Trung Quốc	R1:4x35 mL+R2:2x18 mL	Hộp	24		
172	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	<p>Để xác định định lượng nồng độ Bil-D trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: DSA Method Dải tuyến tính: 1-260 μmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Hydrochloric acid : 170 mmol/L - Sulfanilic acid : 29 mmol/L</p>	105-000851-00/Bilirubin Direct Kit	3822	Trung Quốc	R1:4x20 mL+R2:1x20 mL	Hộp	4		

		Hóa chất R2: - Sodium nitrite: 72 mmol/L									
173	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Đề xác định định lượng nồng độ Bil-T trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: DSA Method Dải tuyến tính: 1,7-600 µmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Hydrochloric acid : 100 mmol/L - Sulfanilic acid : 5 mmol/L - Surfactant: 1% (m/v) Hóa chất R2: - Sodium nitrite: 72 mmol/L	105-000850-00/Bilirubin Total Kit	3822	Trung Quốc	R1:4x20 mL+ R2:1x20 mL	Hộp	4			
174	Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích men tim trên hệ thống máy sinh hóa	*Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích men tim trên hệ thống đo Mindray BS. *Thành phần: CK-MB Calibrator là một chất hiệu chuẩn đồng khô dựa trên huyết thanh. Hoạt tính của các thành phần chất hiệu chuẩn cụ thể theo từng lô.	105-001132-00/CK-MB Calibrator	3822	Trung Quốc	3×1 mL	Hộp	3			
175	Chất kiểm soát đồng khô dựa trên huyết thanh người	ClinChem Multi Control (level 1) được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo Mindray BS và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng ClinChem Multi Control (level 1) là chất kiểm soát đồng khô dựa trên huyết thanh người	105-009119-00/ClinChem Multi Control (level 1)	3822	Trung Quốc	6×5 mL	Hộp	4			
176	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng các chất phân tích hóa học thường quy	*Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng các chất phân tích hóa học thường quy trên hệ thống đo Mindray BS. *Thành phần: Multi Sera Calibrator là một chất hiệu chuẩn đồng khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ hoặc hoạt độ của các thành phần chất hiệu chuẩn là cụ thể theo từng lô.	105-001144-00/Multi Sera Calibrator	3822	Trung Quốc	10×3 mL	Hộp	4			
177	Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì máy xét nghiệm sinh hóa tự động	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	105-000107-00/CD80 Detergent	3822	Trung Quốc	2 L	Can	7			
178	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	Đề xác định định lượng nồng độ TC trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: CHOD-POD Method Dải tuyến tính: 0.1-20.0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: Phosphate buffer 100 mmol/L Phenol 5 mmol/L 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/L Cholesterol esterase >150 KU/L Cholesterol oxidase >100 KU/L Peroxidase 5 KU/L	105-000820-00/Total Cholesterol Kit	3822	Trung Quốc	R:4x40 mL	Hộp	3			
179	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC	Đề xác định định lượng nồng độ CK trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp đo: IFCC Method Dải tuyến tính: 5-1000 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Imidazole buffer : 100 mmol/L - Glucose : 20 mmol/L - N-acetylcysteine(NAC) : 0.2 mmol/L - Magnesium acetate 10 mmol/L - EDTA: 2 mmol/L - NADP: 2 mmol/L - AMP: 5 mmol/L - HK >4 U/mL Hóa chất R2: - Creatine phosphate: 30 mmol/L - ADP 2 mmol/L - G-6-PDH >2.8 U/mL	105-004615-00/Creatine Kinase Kit	3822	Trung Quốc	R1:2x35 mL+ R2:1x18 mL	Hộp	5			
180	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB	Đề xác định định lượng hoạt tính CK-MB trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp đo: IFCC Method Dải tuyến tính: 5-600 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Imidazole buffer 100 mmol/L - Glucose 20 mmol/L - N-acetylcysteine(NAC) 0.2 mmol/L - Magnesium acetate 10 mmol/L - EDTA 2 mmol/L - NADP 2 mmol/L - AMP 5 mmol/L - HK >4 U/mL - Goat Anti-Human polyclonal antibody 2000 U/LCK-MM Hóa chất R2: - Creatine phosphate 30 mmol/L - ADP 2 mmol/L - G-6-PDH >2.8 U/mL	105-004616-00/Creatine Kinase-MB Kit	3822	Trung Quốc	R1:2x35 mL+ R2:1x18 mL	Hộp	5			
181	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Đề xác định định lượng nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: Sarcosine Oxidase Method Dải tuyến tính: 10-7000 µmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - CRTase > 40KU/L - Sarcosine Oxidase >7KU/L - Ascorbic acid oxidase 2KU/L - Catalase >100KU/L - ESPMT 0.47mM Hóa chất R2 : - Creatininase >400KU/L - Peroxidase >50KU/L - 4-aminoantipyrine 2.95 mmol/L	105-004614-00/Creatinine Kit	3822	Trung Quốc	R1:2*27 mL+R2:1*18 mL	Hộp	40			
182	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Đề xác định định lượng nồng độ Glu trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp: Glucose oxidase-Peroxidase (GOD-POD) method Dải tuyến tính: 0.3-25 mmol/L	105-000849-00/Glucose Kit	3822	Trung Quốc	R1: 4x40 mL+ R2: 2x20 mL	Hộp	24			

		Thành phần gồm: Hóa chất R1: Phosphate buffer 100 mmol/L Ascorbate oxidase 4700 U/L Glucose oxidase 4000 U/L Hóa chất R2: Phosphate buffer 100 mmol/L Peroxidase 6700 U/L 4-Aminoantipyrine 0.7 mmol/L p-Hydroxybenzoic acid sodium 1.3 mmol/L								
183	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL	Để xác định định lượng nồng độ HDL-C trong huyết thanh trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Phương pháp đo: Direct Method Dải tuyến tính: 0.05-6.0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Good's buffer 100 mmol/L Cholesterol esterase 600 U/L Cholesterol oxidase 380 U/L Catalase 600 KU/L HDAOS 0.42 mmol/L - Hóa chất R2: Good's buffer 100 mmol/L 4-aminoantipyrine 1.0 mmol/L Peroxidase >2.8 U/mL Surfactant <2%	105-000835-00/HDL-Cholesterol Kit	3822	Trung Quốc	R1:1x40 mL+ R2:1x14 mL	Hộp	9		
184	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL	Để xác định định lượng nồng độ LDL-Cholesterol (LDL-C) trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp đo: Direct Method Dải tuyến tính: 0,05-20 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Good's buffer 50 mmol/L Cholesterol esterase 600 U/L Cholesterol oxidase 500 U/L Catalase 600 KU/L TOOS 2 mmol/L - Hóa chất R2: Good's buffer 50 mmol/L 4-aminoantipyrine 4 mmol/L Peroxidase 4 U/mL	105-000836-00/LDL-Cholesterol Kit	3822	Trung Quốc	R1:1x40 mL+ R2:1x14 mL	Hộp	9		
185	Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích Lipid	*Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích lipid trên hệ thống đo Mindray BS. *Thành phần: Lipids Calibrator (Chất chuẩn lipid) là một chất hiệu chuẩn đồng khối dựa trên huyết thanh người. Nồng độ của các thành phần chất hiệu chuẩn cụ thể theo từng lọ.	105-001128-00/Lipids Calibrator	3822	Trung Quốc	5x1 mL	Hộp	3		
186	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein	Để xác định định lượng nồng độ TP trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp đo: Biuret Method Dải tuyến tính: 2-120g/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: Sodium-potassium tartrate 32 mmol/L Sodium hydroxide 200 mmol/L Potassium iodide 30 mmol/L Cupric sulfate 12 mmol/L	105-000823-00/Total protein Kit	3822	Trung Quốc	R:4x40 mL	Hộp	22		
187	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	Để xác định định lượng nồng độ TG trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp đo:GPO-POD Method Dải tuyến tính: 0.1-12.5 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: Phosphate buffer 50 mmol/L 4-Chlorophenol 5 mmol/L ATP 2 mmol/L Mg2+: 4.5 mmol/L Glycerokinase ≥0.4 U/mL Peroxidase ≥0.5 U/mL Lipoprotein lipase ≥1.3 U/mL 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/L Glycerol-3-phosphate-oxidase ≥1.5 U/mL	105-000821-00/Triglycerides Kit	3822	Trung Quốc	R:4x40 mL	Hộp	13		
188	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Để xác định định lượng nồng độ Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp đo:Urease-GLDH, UV Method Dải tuyến tính:0.9-40,0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Tris buffer 120 mmol/L ADP 750 mmol/L Urease ≥40 KU/L GLDH ≥0.4 KU/L - Hóa chất R2: NADH 1.2 mmol/L α-Oxoglutarate 25 mmol/L	105-000824-00/Urea Kit	3822	Trung Quốc	R1:4x35 mL+ R2:2x18 mL	Hộp	24		
189	Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric	Để xác định định lượng nồng độ uric acid trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro Phương pháp đo: Uricase-Peroxidase Method Dải tuyến tính: 20,8-1500 μmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Phosphate buffer 70 mmol/L Peroxidase 5000 U/L Ascorbate oxidase 3000 U/L TOOS 0.72 mmol/L - Hóa chất R2:	105-000848-00/Uric acid Kit	3822	Trung Quốc	R1:4x40 mL+ R2:2x20 mL	Hộp	6		

		Phosphate buffer 70 mmol/L Peroxidase 10000 U/L 4-Aminoantipyrine 1.7 mmol/L Uricase 750 U/L								
190	Bóng đèn 12-20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	115-017932-00/20W lamp	8539		Trung Quốc	1 cái	Cái	5	
191	Cuvette cho máy sinh hóa	Cuvet phân tng bằng nhựa dùng nhiều lần cho máy xét nghiệm sinh hóa	115-037543-00/Plastic Cuvette	3926		Trung Quốc	1000 cái/hộp	hộp	1	
<b>6. Hoá chất vật tư dùng cho máy đông máu Humaclot Pro</b>										
192	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hóa chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl2 chứa Sodium azide < 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C.	31002/HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI	3822		Hungary	6x2ml	Hộp	50	
193	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phân hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL. Cephalin não thỏ < 1,0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl2 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C.	33002/HEMOSTAT aPTT-EL	3822		Hungary	6x4ml	Hộp	28	
194	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%. Khí được bảo quản ở 2-8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng. Sau hoàn nguyên hóa chất ổn định 7 ngày ở 2-8°C.	32002/HEMOSTAT FIBRINOGEN	3822		Hungary	5x2ml	Hộp	24	
195	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01%.	35002/HEMOSTAT CONTROL PLASMA ABNORMAL	3822		Hungary	6x1ml	Hộp	2	
196	Hóa chất chuẩn mức cao	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01%.	35002/HEMOSTAT CONTROL PLASMA ABNORMAL	3822		Hungary	6x1ml	Hộp	2	
197	Hóa chất chuẩn mức trung bình	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01%.	35001/HEMOSTAT CONTROL PLASMA NORMAL	3822		Hungary	6x1ml	Hộp	2	
198	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	15800/10/Cuvette Rings HumaClot Pro	3926		Đức	6x10x32/hộp	Hộp	10	
199	Dung dịch rửa máy	Dung dịch HumaClot Pro - Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bom chất thải của máy phân tích đông máu HumaClot Pro, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần: Aqueous Solution	15800/30/HumaClot Pro - Cleaner (code: 15800/30)	3402		Đức	5 x 15 ml	Hộp	26	
200	Hóa chất hiệu chuẩn	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp 4x1ml (dạng đông khô) Calibrator chứa: Máu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01%	35500/HEMOSTAT CALIBRATOR	3822		Hungary	4x1ml	Hộp	2	
201	Dung dịch rửa kim	Dung dịch Wash Solution dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa các chất sót lại trên máy HumaClot Pro. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần của Wash Solution: - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%	15800/20/HumaClot Pro - Wash Solution (code: 15800/20)	3402		Đức	5 x 15 ml	Hộp	26	
<b>7. Hoá chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy điện giải EasyLyte plus</b>										
202	Dung dịch Standard A 800ml, Standard B 180ml, Wash solution 80ml, bình thái	*Pack EasyLyte Na / K / Cl Solutions Pack sử dụng để xác định định lượng Natri (Na <sup>+</sup> ), Kali (K <sup>+</sup> ) và Clorua (Cl <sup>-</sup> ) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na <sup>+</sup> ; 4.0 mmol/L K <sup>+</sup> ; 125.0 mmol/L Cl <sup>-</sup> ; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na <sup>+</sup> ; 16.0 mmol/L K <sup>+</sup> ; 41.0 mmol/L Cl <sup>-</sup> ; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	2121/EasyLyte Plus Solutions Pack, 800ml	3822		Mỹ	800ml/hộp	Hộp	20	
203	Điện cực Na, chứa đường ống thủy tinh đặc biệt nhạy với ion Na	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	2102/EasyLyte Na+ Electrode	8545		Mỹ	1 cái	Cái	2	
204	Điện cực K, chứa đường ống nhưa, ionophores trung tính	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	2101/EasyLyte K+ Electrode	8545		Mỹ	1 cái	Cái	2	
205	Điện cực Cl, chứa đường ống nhưa, đặc biệt nhạy với Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	2113/EasyLyte Cl- Electrode	8545		Mỹ	1 cái	Cái	2	
206	Dung dịch rửa máy	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Bifluoride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0.1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	2118/EasyLyte/EasyStat/EasyBloodGas/EasyElectrolytes Daily Rinse/Cleaning Solution Kit	3402		Mỹ	1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Hộp	10	
207	Dung dịch tái tạo điện cực Natri	*Dung dịch được sử dụng để làm hiệu quả hơn cho điện cực natri (Na <sup>+</sup> ) cho máy điện giải EasyLyte. *Thành phần: Ammonium Bifluoride 0.1mol/L, nước cất ion hóa.	2309/EasyLyte Wash Solution, 50mL	3402		Mỹ	50 ml	Hộp	2	
208	Bộ dây bơm	Hộp gồm: 1 đường ống bơm và 1 đường ống máu. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	2104/EasyLyte Tubing Kit	3926		Mỹ	Hộp	Chiếc	2	
209	Dung dịch làm đầy điện cực, chứa KCL	Dung dịch ngâm điện cực, lọ 125 ml chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	2492/EasyLyte Internal Filling Solution	3822		Mỹ	Lọ 125 ml	Lọ	3	
210	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	2103/EasyLyte Reference Electrode	8545		Mỹ	1 cái	Cái	2	
211	Điện cực quy chiếu Ca	Điện cực Ca dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	2150/EasyLyte Ca++ Electrode	8545		Mỹ	1 cái	Cái	2	
212	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	2258/EasyLyte Membrane Assembly	3926		Mỹ	Cái	Cái	2	
213	Cảm biến dung dịch	Mạch điện tử RFID tích hợp, có dây, dùng cho thiết bị xét nghiệm điện giải	006720-001/PCB ASSY, RFID, WIRED, EASYLYTE 2	8542		Mỹ	1 Cái	Cái	2	
<b>8. Hoá chất vật tư dùng cho máy miễn dịch AFIAS-1</b>										
214	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huyết thanh (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người. *Thành phần gồm - Phần cartridge chứa một que xét nghiệm, màng có kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgG của chó được cố định	SMFP-28/AFIAS HbA1c	3822		Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	70	

		<p>ở vạch kiểm soát.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần đệm phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang kháng HbA1c người, liên hợp huỳnh quang IgG kháng thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> <li>- Phần đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> </ul> <p>*Dải làm việc: - NGSP (%): 4-15 % - IFCC (mmol/mol): 20.2-140.4 mmol/mol - eAG (mg/dL): 68.1-383.8 mg/dL</p>								
215	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có kháng TSH người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgY của gà ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện (detector) có chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng TSH người, chất liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm phosphat (PBS) làm chất bảo quản.</li> <li>- C - tip (Đầu tip mao dẫn) là một công cụ hữu ích ở khu xét nghiệm nhanh tại chỗ đối với một lượng nhỏ máu mao mạch từ đầu ngón tay, vị trí gót chân (ở trẻ sơ sinh) hoặc vành tai.</li> </ul> <p>*Dải làm việc: Mẫu huyết thanh/huyết tương: 0.09-80.0 <math>\mu</math>IU/mL Mẫu máu toàn phần: 0.4-80.0 <math>\mu</math>IU/mL</p>	SMFP-20/AFIAS TSH	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	10		
216	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Thyroxine tổng số (T4 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm và streptavidin ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện có một hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng T4 người, chất liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 10.23 - 300.0 nmol/L</p>	SMFP-19/AFIAS T4	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	10		
217	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Triiodothyronine tổng số (T3 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có chất liên hợp T3-BSA ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T3 người, liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch đệm natri phosphat.</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch natri hydroxit (NaOH).</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 0.77-7.7 nmol/L</p>	SMFP-18/AFIAS T3	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	10		
218	Thuốc thử xét nghiệm định lượng B-HCG toàn phần	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng gonadotropin màng đệm ở người (Total <math>\beta</math>hCG) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có gonadotropin kháng màng đệm ở người và chất liên hợp peptid IgG-hCG của chuột ở vạch xét nghiệm, và streptavidin ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện có chứa chất liên hợp huỳnh quang gonadotropin kháng màng đệm người, chất liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat (PBS).</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng chứa albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định, tween 20 làm chất tẩy rửa và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat.</li> </ul> <p>*Dải đo: 5-50,000 mIU/mL</p>	SMFP-3/AFIAS total $\beta$ -hCG	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	20		
219	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Protein phản ứng C - C-Reactive Protein (CRP) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có CRP đơn dòng kháng người của chuột ở vạch xét nghiệm, protein phản ứng C của người ở vạch kháng nguyên và streptavidin ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện detector có một hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang CRP kháng người đơn dòng từ chuột, CRP kháng người đơn dòng từ chuột, chất liên hợp huỳnh quang Biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) và sucrose làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong đệm muối photphat (PBS)</li> <li>- Phần dung dịch pha loãng phát hiện có chứa chất chống tạo bọt và tween 20 là chất rửa, sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm photphat (PBS).</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 0.5-200 mg/L.</p>	SMFP-2/AFIAS CRP	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	20		
220	Thuốc thử định lượng CEA	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng CEA trong máu toàn phần/ huyết thanh/huyết tương của người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có anti-CEA ở vạch xét nghiệm và IgG thỏ ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần phát hiện detector có một hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng CEA, liên hợp huỳnh quang IgG chống thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> <li>- Phần chất pha loãng chứa tween20 làm chất rửa, sodium chloride làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong Tris-HCl.</li> </ul> <p>*Dải làm việc: 1-500 ng/mL.</p>	SMFP-21/AFIAS CEA	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	10		
221	Thuốc thử định lượng AFP	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Alpha Feto Protein (AFP) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge có chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có kháng AFP người ở vạch xét nghiệm và IgG của thỏ ở vạch kiểm soát.</li> <li>- Phần detector có hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng AFP người, liên hợp huỳnh quang kháng IgG thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</li> </ul> <p>*Phạm vi làm việc: 5-350 ng/mL.</p>	SMFP-27/AFIAS AFP	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	10		
222	Thuốc thử định lượng PSA	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt (Prostate Specific Antigen-PSA) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có chứa kháng PSA người ở vạch thử, trong khi streptavidin ở vạch đối chứng.</li> <li>- Phần phát hiện có chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng PSA người, chất liên hợp huỳnh quang-biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm photphat (PBS) làm chất bảo quản.</li> </ul> <p>*Phạm vi hoạt động của AFIAS PSA là: 0.5-100 ng/mL.</p>	SMFP-9/AFIAS PSA	3822	Hàn Quốc	24 test/hộp	Hộp	10		
	<b>9. Hoá chất vật tư dùng cho máy miễn dịch CL-900i</b>									Bổ sung
223	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (PSA toàn phần, t-PSA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 miễn</p> <p>*Dải báo cáo: 0.008-100 ng/mL</p>	105-004219-00/TOTAL PROSTATE SPECIFIC ANTIGEN (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	10		

		*Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng PSA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản								
224	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Đãi bảo cáo: 0.2-1000 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CEA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chống CEA (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	105-004213-00/CARCINOEMBRYONIC ANTIGEN (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	10		
225	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	*Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Đãi bảo cáo: 0.5-1210 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng AFP trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng AFP - alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản.	105-004214-00/ALPHA-FETOPROTEIN (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	10		
226	Thuốc thử xét nghiệm định lượng B-HCG toàn phần	*Hóa chất xét nghiệm định lượng tổng số $\beta$ human chorionic gonadotropin (Total $\beta$ HCG) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Đãi bảo cáo: 0.5-5000 mIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng $\beta$ HCG trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng $\beta$ HCG - alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản.	105-004221-00/TOTAL $\beta$ HUMAN CHORIONIC GONADOTROPHIN (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	15		
227	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	*Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Đãi bảo cáo: 0.005-100 $\mu$ IU /mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản	105-004212-00/THYROID-STIMULATING HORMONE (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	10		
228	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng total thyroxine (T4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Đãi bảo cáo: 0.5-30 $\mu$ g/dL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp T4 và alkaline phosphatase trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. - Rc: 8-Anilino-1-Naphthalenesulfonic Acid (ANS), đệm TRIS và chất bảo quản	105-004211-00/TOTAL THYROXINE (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	10		
229	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Đãi bảo cáo: 0.2 ng/mL-8.0 ng/mL *Thành phần: - Ra: Vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES với chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T3 - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản - Rc: T3 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản - Rd: 8-Anilino-1-Naphthalenesulfonic Acid (ANS) trong đệm MES với chất bảo quản	105-004210-00/TOTAL TRIIODOTHYRONINE (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	10		
230	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) *Quy cách: C0:1x2.0 mL/lo; C1:1x2.0 mL/lo; C2:1x2.0 mL/lo *Thành phần: T3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	105-004279-00/TOTAL T3 CALIBRATORS	3822	Trung Quốc	3*2ml	Hộp	2		
231	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng total thyroxine (T4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Đãi bảo cáo: 0.5-30 $\mu$ g/dL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp T4 và alkaline phosphatase trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. - Rc: 8-Anilino-1-Naphthalenesulfonic Acid (ANS), đệm TRIS và chất bảo quản	105-004211-00/TOTAL THYROXINE (CLIA)	3822	Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	1		
232	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) *Quy cách: C0:1x2.0 mL/lo; C1:1x2.0 mL/lo; C2:1x2.0 mL/lo *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: TSH ở 2 mức nồng độ.	105-004281-00/TSH CALIBRATORS	3822	Trung Quốc	3*2ml	Hộp	1		
233	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng carcinoembryonic antigen (CEA) *Quy cách: C0:1x2.0 mL/lo; C1:1x2.0 mL/lo; C2:1x2.0 mL/lo *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CEA ở 2 mức nồng độ.	105-004282-00/CEA CALIBRATORS	3822	Trung Quốc	3*2ml	Hộp	1		
234	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Alpha-fetoprotein (AFP) *Quy cách: C0:1x2.0 mL/lo; C1:1x2.0 mL/lo; C2:1x2.0 mL/lo *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: AFP ở 2 mức nồng độ.	105-004283-00/AFP CALIBRATORS	3822	Trung Quốc	3*2ml	Hộp	1		
235	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total prostate specific antigen (t-PSA) *Quy cách: C0:1x2.0 mL/lo; C1:1x2.0 mL/lo; C2:1x2.0 mL/lo *Thành phần: PSA trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ.	105-004288-00/TOTAL PSA CALIBRATORS	3822	Trung Quốc	3*2ml	Hộp	1		
236	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng B-HCG	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total $\beta$ human chorionic gonadotropin (HCG) *Quy cách: C0:1x2.0 mL/lo; C1:1x2.0 mL/lo; C2:1x2.0 mL/lo *Thành phần: HCG trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	105-004290-00/TOTAL $\beta$ HCG CALIBRATORS	3822	Trung Quốc	3*2ml	Hộp	1		
237	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch T3,T4,TSH	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH,Tg *Quy cách: 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.	105-007371-00/THYROID FUNCTION MULTI CONTROL (L)	3822	Trung Quốc	6*5ml	Hộp	1		
238	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch T3,T4,TSH	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH,Tg *Quy cách: 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.	105-007372-00/THYROID FUNCTION MULTI CONTROL (H)	3822	Trung Quốc	6*5ml	Hộp	1		
239	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch: tPSA, AFP, CEA	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1 *Quy cách: 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1	105-007374-00/TUMOR MARKER MULTI CONTROL (H)	3822	Trung Quốc	6*5ml	Hộp	1		
240	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch: tPSA, AFP, CEA	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1 *Quy cách: 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất CA125, TPSA, FPSA, AFP, Ferritin, CEA, CA19-9, CA15-3, CA 72-4, CYFRA 21-1	105-007373-00/TUMOR MARKER MULTI CONTROL (L)	3822	Trung Quốc	6*5ml	Hộp	1		
241	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch B-HCG	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estrinol, Total $\beta$ HCG *Quy cách: 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estrinol, Total $\beta$ HCG	105-004266-00/REPRODUCTIVE MULTI CONTROL (L)	3822	Trung Quốc	6*5ml	Hộp	1		

	Vật liệu kiểm soát mức cao cho xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch B-HCG	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG *Quy cách : 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estriol, Total β HCG	105-004267-00/REPRODUCTIVE MULTI CONTROL (H)	3822		Trung Quốc	6*5ml	Hộp	1	
242	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	*Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-900i, 1000i, 1200i	115-035753-00/Reaction cuvettes for CL-900i, 1000i, 1200i	3926		Trung Quốc	(21*2*88)/thùng	Thùng	20	
243	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch(Substrate solution)	*Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	105-004274-00/Substrate solution	3822		Trung Quốc	115 ml * 4	Hộp	10	
244	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (Wash Buffer)	*Wash Buffer là dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản	105-004552-00/Wash Buffer	3402		Trung Quốc	10 L/thùng	Thùng	5	
245	Hộp đựng cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	*Hộp đựng cuvette đã sử dụng. *Quy cách: 10 cái/hộp	115-035754-00/Waste bin for CL-1000i	3926		Trung Quốc	10 cái/hộp	Hộp	1	
246	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm (CD 80 Detergent)	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	105-000748-00/CD 80 Detergent	3402		Trung Quốc	1 L/chai	Chai	5	
247	10. Que thử nước tiểu , máy Aution AE-4020, Mindray UA-600T									
248	Que thử nước tiểu 10 thông số cho máy Aution AE-4020	Que thử nước tiểu 10 thông số tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu AE-4020 của hãng Arkray	102595/Aution Sticks 10V	3822		Philippines	100 test/hộp	Hộp	200	
249	Que thử nước tiểu 11 thông số cho máy Mindray UA-600T	Que thử nước tiểu 11 thông số: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid	U031-111/ 11 parameters	3822		Trung Quốc	100 test/hộp	Hộp	200	
	<b>VI. Trang thiết bị y tế khác</b>									Theo nhu cầu các khoa
250	Bộ kiểm tra rò rỉ máy nội soi tiêu hóa Olympus	Dụng cụ kiểm tra rò rỉ ống soi. Tương thích với ống soi Olympus của bệnh viện	WA23080A		2025 trở về sau	Olympus/ Đức	Bộ 1 cái	Cái	1	Khoa Khám bệnh
251	Tủ treo dây nội soi tiêu hóa	- Kích thước:R1180 x S450 x C2000 mm - Tủ treo công lực 10 ống nội soi ; - Khung treo dây thẳng và cố định rẽ dẹt và thuận tiện cho việc treo và lấy dây - Hai cánh kính cường lực dày 5mm ; - Hai cánh kính bằng Inox SUS 304 - Hai cánh đóng mở bằng cơ cấu bản lề cố, có 2 tay nắm và có nam châm giữ cánh ở trạng thái đóng. - Tủ có 1 bóng UV 60Cm để diệt khuẩn không khí bên trong tủ. - Tủ có 1 quạt hút khí từ trong tủ ra ngoài để tránh tình trạng có mùi trong tủ. - Trên thân tủ có 1 công tắc để bật tắt đèn UV và quạt hút khí. - Hai hồi, tấm nóc, tấm hậu và tấm sàn làm bằng inox 304 tấm xước. - Tủ có 4 bánh xe phi 50mm thuận tiện cho việc di chuyển và vệ sinh khu vực tủ.	TDNS		2025 trở về sau	Tiền Đạt/ Việt Nam	Bộ 1 cái	Cái	1	Khám bệnh
252	Giá đỡ ống nghiệm nước tiểu	Giá đỡ ống nghiệm nước tiểu 20 lỗ	Giá đỡ ống nghiệm nước tiểu		2025 trở về sau	Công ty TNHH Dung Cù Kim Khí Bình An/ Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	1	Y Học cổ truyền
253	Giường bệnh nhân	- Tiêu chuẩn chất lượng: + ISO 13485 + ISO 9001 + ISO 14001 - Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT: Nhóm 5 - Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT: Nhóm 5 -Kích thước: 2050x900x1650mm ±5% - Chất liệu : Inox 201 - Giường bệnh nhân inox kèm theo dát inox và 2 cọc màn chữ U inox gắn liền với đầu và đuôi giường, phần nâng đầu bằng thanh rỗng từ 0 - 45° - Toàn bộ khung giường làm bằng inox hộp 30x60 - Chân giường làm bằng inox Φ 32 - Đầu giường được kết cấu đan xen các nan bằng inox ống Φ 16mm.'	G01		2025 trở về sau	Công ty CP Thương mại và Sản xuất Thiết bị y tế Hà Nội/ Việt Nam	Kiện 1 cái	Cái	7	Sản + YHCT
254	Tủ đầu giường	Tiêu chuẩn chất lượng: + ISO 13485 + ISO 9001 + ISO 14001 - Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT: Nhóm 5 - Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT: Nhóm 5 - Kích thước: 400x350x900mm - Chất liệu : inox 201 - Khung tủ: Inox hộp 25x25 - Tủ được chia ra làm 3 phần: Ngăn kéo, hộc tủ, phần đế để có nhân có cánh kín. + Nóc tủ có lan can chày xung quanh để tránh rơi đồ được làm bằng ống inox Φ12. + Tiếp đến, tủ có 1 ngăn kéo cao 16cm, có núm kéo và thanh ray vận hành nhẹ nhàng. + Hộc tủ cao 13.5cm + Phần đế có cá nhân, có cánh kín cao 40cm. - Nóc, hồi, hậu, đáy tủ được làm bằng inox lá - Có mặt cao su chống trơn trượt	TT04		2025 trở về sau	Công ty CP Thương mại và Sản xuất Thiết bị y tế Hà Nội/ Việt Nam	Kiện 1 cái	Cái	7	Sản
255	Cọc truyền	- Tiêu chuẩn chất lượng: + ISO 13485 + ISO 9001 + ISO 14001 - Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT: Nhóm 5 - Chất liệu : Inox bóng sáng BA - Kích thước dao động: 1200 - 2000mm - Cọc truyền được kết cấu bởi phần thân làm bằng ống Φ 22. Bao ngoài là ống Φ 25, có vít hãm cố định dọc thân ống theo chiều cao có thể di chuyển độ dài. Phía trên có 2 móc inox chắc chắn tải trọng 6kg. - Phần chân: Chia ra 3 nhánh được làm bằng ống Φ 25 có chiều dài từ trụ là 250mm, bành xe Φ 50 di chuyển thuận tiện	CT01		2025 trở về sau	Công ty CP Thương mại và Sản xuất Thiết bị y tế Hà Nội/ Việt Nam	Kiện 1 cái	Cái	1	Sản



						Nam					
271	Thùng rác màu xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Xanh</li> <li>- Nguyên liệu: HDPE</li> <li>- Thùng làm bằng nhựa HDPE có tính đàn hồi, hạn chế va đập. Chống nắng, hạn chế phai màu do để ngoài trời</li> <li>- Thùng nhân 2 mặt để dàng vệ sinh</li> <li>- Có 2 bánh xe cao su đặc Ø 200</li> <li>- Có 2 nắm tay đẩy và kéo thùng</li> <li>- Trục thép chống gỉ</li> <li>- Nắp lật ngăn mùi, chắn nước</li> <li>- Kích thước: 760 x 600 x 1020</li> </ul>	TR-240		2025 trở về sau	Công ty TNHH SX KD TBYT Đức An/ Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	20	KSNK	
272	Thùng rác màu vàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Vàng</li> <li>- Nguyên liệu: HDPE</li> <li>- Thùng làm bằng nhựa HDPE có tính đàn hồi, hạn chế va đập. Chống nắng, hạn chế phai màu do để ngoài trời</li> <li>- Thùng nhân 2 mặt để dàng vệ sinh</li> <li>- Có 2 bánh xe cao su đặc Ø 200</li> <li>- Có 2 nắm tay đẩy và kéo thùng</li> <li>- Trục thép chống gỉ</li> <li>- Nắp lật ngăn mùi, chắn nước</li> <li>- Kích thước: 760 x 600 x 1020</li> </ul>	TR-240		2025 trở về sau	Công ty TNHH SX KD TBYT Đức An/ Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	10	KSNK	
273	Xe đẩy rác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước Khung: 1.200 x 1.000 x 1000 mm.</li> <li>- Kích thước Thùng: (900x700x650) mm.</li> <li>- Khung xe được làm bằng ống thép Ø 34, sơn chống gỉ.</li> <li>- Khung thùng được gia bằng thép V50x50 sơn chống gỉ.</li> <li>- Thùng bằng tôn hoa mạ kẽm cán nóng</li> <li>- Lớp cao su đúc liền vành được lưu hóa có độ chống mài mòn cao.</li> <li>- Vòng bi cho bộ phận chuyển động là loại vòng bi ngoài 6205.</li> <li>- Biến dạng thùng chứa: còn lượn phía đáy thùng.</li> <li>- Chiều cao nâng càng gấp: 1000 mm, phù hợp với các loại xe cầu rác ở Việt Nam.</li> <li>- Bánh xe chịu tải: 02 chiếc Ø 560 mm.</li> <li>- Bánh xe dẫn hướng: 01 chiếc Ø 250 mm.</li> </ul>	XG-97		2025 trở về sau	Công ty TNHH SX KD TBYT Đức An/ Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	2	KSNK	
274	Thùng vận chuyển rác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thùng vận chuyển rác thải lây nhiễm: Thùng được cấu tạo với phần nắp mở ở trên tiện dụng, bọc cao su chống ồn tại phần tiếp nối</li> <li>- Chất liệu: Nhựa composite cốt sợi thủy tinh cao cấp tổng hợp màu công nghiệp + hoá chất và sợi amiang</li> <li>- Màu sắc: Vàng</li> <li>- Kích thước: 400x400x450mm</li> </ul>	TCCT – 450DC		2025 trở về sau	Công ty TNHH SX KD TBYT Đức An/ Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	1	KSNK	
275	Xe đẩy dụng cụ vệ sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Màu sắc: Xanh, Ghi</li> <li>- Xe có thiết kế 2 bánh to 2 bánh nhỏ và tay cầm phía sau</li> <li>- Khung xe chữ L bằng nhựa PP mới, vững chắc và bền</li> <li>- Vải bạt nhựa đẩy dẫn chắc chắn có thể đựng rác hoặc các đồ vật cần thay giặt. Phía trên có nắp đẩy</li> <li>- Xe 3 tầng phân chia để đồ</li> <li>Kích thước: 1140x510x980</li> </ul>	XVS-3T-CN		2025 trở về sau	Công ty TNHH SX KD TBYT Đức An/ Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	13	KSNK	
276	Đệm giường bệnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đệm giường Dày 5cm x Rộng 90 cm x Dài 190 cm:</li> <li>- Vò được làm bằng da Simyli, kéo khóa.</li> <li>- Ruột được làm tối thiểu bằng tấm PE không thấm dịch, nước.</li> <li>- Được cấu tạo làm 2 khúc</li> </ul>	D02		2025 trở về sau	Công ty CP Thương mại và Sản xuất Thiết bị y tế Hà Nội/ Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	70	KSNK	